

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2020**

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Giới thiệu và sứ mệnh

Sứ mệnh: Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam là đơn vị hàng đầu cả nước đào tạo nguồn nhân lực y dược cổ truyền, và các ngành y tế khác ở trình độ đại học, sau đại học; kết hợp y học cổ truyền, y học hiện đại, trên cơ sở thừa kế, bảo tồn và phát triển y dược cổ truyền; nghiên cứu khoa học – công nghệ trong lĩnh vực y dược; sản xuất kinh doanh các sản phẩm thuốc, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng, mỹ phẩm bằng hợp chất thiên nhiên được chiết xuất từ dược liệu đáp ứng nhu cầu chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân; triển khai các dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ khác đáp ứng theo nhu cầu xã hội.

Tầm nhìn: Xây dựng Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam trở thành trung tâm hàng đầu quốc gia về đào tạo nhân lực y học cổ truyền và các ngành y tế khác cả về quy mô và chất lượng; kết hợp y học cổ truyền, y học hiện đại, nghiên cứu khoa học trên cơ sở thừa kế, bảo tồn nhằm phát triển y dược cổ truyền và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh hiệu quả cao; có chương trình đào tạo hiện đại từng bước ngang tầm khu vực và các nước tiên tiến. Học viện lấy chất lượng đào tạo, giá trị công bố các công trình nghiên cứu khoa học, chất lượng sản xuất các sản phẩm thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng; cung cấp dịch vụ đào tạo, dịch vụ khám chữa bệnh làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, cũng như Học viện tập trung, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học, chuyên gia y học trình độ cao và xem đây là gốc rễ xây dựng Học viện lớn mạnh. Lấy phát triển quan hệ quốc tế là bước đi khẳng định vai trò, sự lớn mạnh và uy tín của Học viện trên trường quốc tế và trong nước.

- Địa chỉ các trụ sở

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	22739 m ²	15190 m ²

2. Quy mô đào tạo chính quy

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1.	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.1.1	Y học cổ truyền (9720115)					9		
1.2	Thạc sĩ							
1.2.1	Y học cổ truyền (8720115)					189		
2.	Đại học							
2.1	Chính quy					4587		
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên							
2.1.1.1	Y khoa (7720101)					563		
2.1.1.2	Y học cổ truyền (7720115)					3352		
2.1.1.3	Dược học (7720201)					672		
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên							

2.2	Liên thông từ TC lên ĐH							
2.2.1	Y học cổ truyền (7720115)					184		
2.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy							
2.4	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên							
3.	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non							
3.1	Chính quy							
3.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy							
3.3	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng							
II	Vừa làm vừa học							
1	Đại học							
1.1	Vừa làm vừa học							
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học							

1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học							
1.4	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên							
2.	Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non							
2.1	Vừa làm vừa học							
2.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học							
2.3	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng							
III	Đào tạo từ xa							

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển		x		Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT năm

	sinh 2019				2019
2	Năm tuyển sinh 2018		x		Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT năm 2018

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành I							
Khối ngành II							
Khối ngành III							
Khối ngành IV							
Khối ngành V							
Khối ngành VI							
Dược học	7720201	120	131	20.9	200	188	21.9
Y khoa	7720101	120	114	21.85	200	203	23.25
Y học cổ truyền	7720115	530	518	19.5	500	493	20.55
Khối ngành VII							

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 22739 m² m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 3,1 m²/sv m²/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	27	2913
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	422
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	18	1745
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	226
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
6	Số phòng học đa phương tiện	2	464
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	1	56
8	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1132
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	8232

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng Thí nghiệm	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6

	Hóa sinh (908)		
2	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
3	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
4	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
5	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Bàn thí nghiệm trung tâm	Khối ngành 6
6	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy hút ẩm	Khối ngành 6
7	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy in	Khối ngành 6
8	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy lắc máu	Khối ngành 6
9	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy li tâm	Khối ngành 6
10	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy vi tính	Khối ngành 6
11	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy vi tính	Khối ngành 6
12	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy vi tính	Khối ngành 6
13	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Khối ngành 6
14	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Nồi đun cách thủy y tế HHS	Khối ngành 6
15	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Nồi đun cách thủy y tế HHS	Khối ngành 6

16	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Khối ngành 6
17	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Tủ đựng hóa chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
18	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Tủ đựng hóa chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
19	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
20	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
21	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Tủ lạnh âm sâu trữ mẫu	Khối ngành 6
22	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Cân kỹ thuật hiện số 0.01g	Khối ngành 6
23	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Hệ thống Elisa	Khối ngành 6
24	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy li tâm để bàn	Khối ngành 6
25	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	Khối ngành 6
26	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy xét nghiệm nước tiểu	Khối ngành 6
27	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Khối ngành 6
28	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Khối ngành 6
29	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Tủ ấm	Khối ngành 6
30	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6

31	Phòng Thí nghiệm Hóa sinh (908)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
32	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
33	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy in	Khối ngành 6
34	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
35	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
36	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
37	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
38	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
39	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Tủ âm	Khối ngành 6
40	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy chiếu	Khối ngành 6
41	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
42	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
43	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
44	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
45	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6

46	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
47	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
48	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
49	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
50	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
51	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
52	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
53	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
54	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
55	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Cân kỹ thuật hiện số 0.01g	Khối ngành 6
56	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
57	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
58	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
59	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
60	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6

61	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
62	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
63	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
64	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
65	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
66	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
67	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
68	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
69	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
70	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
71	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
72	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
73	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
74	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
75	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6

76	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
77	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
78	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
79	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
80	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
81	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
82	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
83	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
84	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
85	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
86	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
87	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
88	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
89	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
90	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6

91	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
92	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
93	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
94	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
95	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
96	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
97	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
98	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
99	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
100	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
101	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
102	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
103	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
104	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
105	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

106	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
107	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
108	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
109	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
110	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
111	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
112	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
113	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
114	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
115	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
116	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
117	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
118	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
119	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
120	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

121	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
122	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
123	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
124	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
125	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
126	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
127	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
128	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
129	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
130	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
131	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
132	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
133	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
134	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
135	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

136	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Kính hiển vi truyền hình và chụp ảnh	Khối ngành 6
137	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Máy li tâm để bàn	Khối ngành 6
138	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Tủ CO ₂	Khối ngành 6
139	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Tủ ẩm	Khối ngành 6
140	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Tủ lạnh âm sâu -86°C	Khối ngành 6
141	Phòng thí nghiệm mô phôi (903)	Tủ sấy	Khối ngành 6
142	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Máy vi tính	Khối ngành 6
143	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình cơ toàn thân kèm nội tạng	Khối ngành 6
144	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình cơ toàn thân kèm nội tạng	Khối ngành 6
145	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình hệ thống tuần hoàn	Khối ngành 6
146	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình hệ thống tuần hoàn	Khối ngành 6
147	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình mạch máu thần kinh đầu mặt cổ	Khối ngành 6
148	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình mạch máu thần kinh đầu mặt cổ	Khối ngành 6
149	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình mạch máu thần kinh chi dưới	Khối ngành 6
150	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình mạch máu thần kinh chi dưới	Khối ngành 6

151	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình mạch máu thần kinh chi trên	Khối ngành 6
152	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình mạch máu thần kinh chi trên	Khối ngành 6
153	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình toàn thân, mạch máu và thần kinh người mở phần trước và lưng	Khối ngành 6
154	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nữ	Khối ngành 6
155	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nữ	Khối ngành 6
156	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nữ bổ dọc hiển thị toàn bộ cơ quan sinh dục nữ	Khối ngành 6
157	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nữ bổ dọc hiển thị toàn bộ cơ quan sinh dục nữ	Khối ngành 6
158	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nam	Khối ngành 6
159	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nam	Khối ngành 6
160	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nam bổ dọc hiển thị toàn bộ cơ quan sinh dục nam	Khối ngành 6
161	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương chậu nam bổ dọc hiển thị toàn bộ cơ quan sinh dục nam	Khối ngành 6
162	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương người tháo lắp được	Khối ngành 6
163	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Mô hình xương người tháo lắp được	Khối ngành 6

164	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đầu sọ và đốt sống cổ	Khối ngành 6
165	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đầu sọ và đốt sống cổ	Khối ngành 6
166	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đầu sọ và đốt sống cổ	Khối ngành 6
167	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đầu sọ và mạch máu	Khối ngành 6
168	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đầu sọ và mạch máu	Khối ngành 6
169	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đốt sống cổ	Khối ngành 6
170	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đốt sống lưng	Khối ngành 6
171	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH đốt sống ngực	Khối ngành 6
172	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH bán thân cắt lớp	Khối ngành 6
173	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH bán thân cắt lớp	Khối ngành 6
174	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH bộ xương toàn thân	Khối ngành 6
175	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ chi dưới	Khối ngành 6
176	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ chi dưới	Khối ngành 6
177	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ chi trên	Khối ngành 6
178	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ chi trên	Khối ngành 6

179	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ quan hô hấp	Khối ngành 6
180	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ quan hô hấp	Khối ngành 6
181	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ thể toàn thân	Khối ngành 6
182	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ toàn thân	Khối ngành 6
183	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ toàn thân có nội tạng	Khối ngành 6
184	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cơ toàn thân có nội tạng	Khối ngành 6
185	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cột sống	Khối ngành 6
186	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cột sống và xương chậu	Khối ngành 6
187	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cột sống và xương chậu	Khối ngành 6
188	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cột sống và xương chậu	Khối ngành 6
189	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH cấu tạo tim	Khối ngành 6
190	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu cơ toàn thân tháo lắp được	Khối ngành 6
191	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu hàm dưới lớn 3 lần	Khối ngành 6
192	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu hàm dưới lớn 3 lần	Khối ngành 6
193	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu hàm dưới lớn 3 lần	Khối ngành 6

194	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu mắt lớn 5 lần	Khối ngành 6
195	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu mắt lớn 5 lần	Khối ngành 6
196	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu mắt lớn 5 lần	Khối ngành 6
197	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu phụ nữ	Khối ngành 6
198	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu tai lớn gấp 3 lần	Khối ngành 6
199	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu tai lớn gấp 3 lần	Khối ngành 6
200	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH giải phẫu tai lớn gấp 3 lần	Khối ngành 6
201	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH hệ thống tiêu hóa tháo lắp được	Khối ngành 6
202	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH hệ thống tiêu hóa tháo lắp được	Khối ngành 6
203	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH hệ thống tiết niệu tháo lắp được	Khối ngành 6
204	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH hệ thống tiết niệu tháo lắp được	Khối ngành 6
205	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH khớp gối, khuỷu tay, khớp vai	Khối ngành 6
206	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH khớp gối, khuỷu tay, khớp vai	Khối ngành 6
207	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH khớp gối, khuỷu tay, khớp vai	Khối ngành 6
208	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH mạch máu chi trên	Khối ngành 6

209	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH mạch máu chi trên	Khối ngành 6
210	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH mặt cắt cấu tạo của thận	Khối ngành 6
211	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH mặt cắt cấu tạo của thận	Khối ngành 6
212	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	MH mặt cắt cấu tạo mạch máu Nephrons của thận	Khối ngành 6
213	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Tủ đựng hoá chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
214	Phòng thí nghiệm giải phẫu (903)	Tủ đựng hoá chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
215	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6
216	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Bàn thí nghiệm đôi Thạch anh	Khối ngành 6
217	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Bàn thí nghiệm đôi Thạch anh	Khối ngành 6
218	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Cân điện tử	Khối ngành 6
219	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Cân kỹ thuật điện tử	Khối ngành 6
220	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Cân kỹ thuật hiện số 0.01g	Khối ngành 6
221	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Cân phân tích	Khối ngành 6
222	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Cân phân tích điện tử 0.0001g	Khối ngành 6
223	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Cân xác định độ ẩm	Khối ngành 6

224	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
225	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
226	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
227	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
228	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
229	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
230	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
231	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
232	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
233	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
234	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
235	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
236	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
237	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
238	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6

239	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
240	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
241	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
242	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
243	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
244	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
245	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
246	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
247	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
248	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
249	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
250	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
251	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
252	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
253	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

254	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Kính hiển vi truyền hình ảnh	Khối ngành 6
255	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Máy đo PH	Khối ngành 6
256	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Máy in	Khối ngành 6
257	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Máy li tâm để bàn	Khối ngành 6
258	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Máy vi tính	Khối ngành 6
259	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Máy vi tính	Khối ngành 6
260	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Máy vi tính	Khối ngành 6
261	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Máy vi tính	Khối ngành 6
262	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Khối ngành 6
263	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Tủ đựng hoá chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
264	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Tủ hút khí độc	Khối ngành 6
265	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
266	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Tủ sấy	Khối ngành 6
267	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Tủ sấy	Khối ngành 6
268	Phòng thí nghiệm Dược liệu (901)	Tủ sấy	Khối ngành 6

269	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bơm tiêm điện	Khối ngành 6
270	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bơm tiêm điện	Khối ngành 6
271	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bơm tiêm điện	Khối ngành 6
272	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bơm truyền dịch	Khối ngành 6
273	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bơm truyền dịch	Khối ngành 6
274	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bơm truyền dịch	Khối ngành 6
275	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bơm truyền dịch	Khối ngành 6
276	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
277	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
278	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bóp bóng mặt nạ người lớn	Khối ngành 6
279	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bóp bóng mặt nạ trẻ em	Khối ngành 6
280	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Bóp bóng mặt nạ trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
281	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Cánh tay tiêm truyền dịch tĩnh mạch đa năng	Khối ngành 6
282	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Cánh tay tiêm truyền dịch tĩnh mạch đa năng	Khối ngành 6
283	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Cánh tay tiêm truyền dịch tĩnh mạch đa năng	Khối ngành 6

284	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Cánh tay tiêm truyền dịch tĩnh mạch đa năng	Khối ngành 6
285	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Cánh tay tiêm truyền người lớn cao cấp	Khối ngành 6
286	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Cánh tay tiêm truyền người lớn cao cấp	Khối ngành 6
287	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Cánh tay tiêm truyền người lớn cao cấp	Khối ngành 6
288	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Giường đa chức năng	Khối ngành 6
289	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Máy hút dịch	Khối ngành 6
290	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Máy in	Khối ngành 6
291	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Máy vi tính	Khối ngành 6
292	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Máy vi tính	Khối ngành 6
293	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Máy vi tính	Khối ngành 6
294	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Máy vi tính	Khối ngành 6
295	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Mô hình ĐT cấp cứu sơ bộ	Khối ngành 6
296	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Mô hình trẻ em	Khối ngành 6
297	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Mô hình trẻ em	Khối ngành 6
298	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH điều dưỡng đa năng	Khối ngành 6

299	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH điều dưỡng đa năng	Khối ngành 6
300	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH điều dưỡng đa năng	Khối ngành 6
301	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH cánh tay	Khối ngành 6
302	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH cánh tay	Khối ngành 6
303	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chăm sóc điều dưỡng đa năng	Khối ngành 6
304	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chăm sóc điều dưỡng đa năng	Khối ngành 6
305	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chăm sóc điều dưỡng đa năng	Khối ngành 6
306	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chăm sóc bệnh nhân	Khối ngành 6
307	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chăm sóc bệnh nhân	Khối ngành 6
308	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chăm sóc bệnh nhân	Khối ngành 6
309	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chuẩn thực tập tiêm mông	Khối ngành 6
310	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chuẩn thực tập tiêm mông	Khối ngành 6
311	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chuẩn thực tập tiêm mông	Khối ngành 6
312	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH chuẩn thực tập tiêm mông	Khối ngành 6
313	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH sản khoa cụt 6 em bé	Khối ngành 6

314	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH sản khoa cụt 6 em bé	Khối ngành 6
315	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thông tiểu nam nữ	Khối ngành 6
316	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thông tiểu nam nữ	Khối ngành 6
317	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thực tập hồi sức cấp cứu	Khối ngành 6
318	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thực tập tiêm cánh tay	Khối ngành 6
319	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thực tập tiêm cánh tay	Khối ngành 6
320	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thực tập tiêm cánh tay	Khối ngành 6
321	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thực tập tiêm cánh tay	Khối ngành 6
322	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH thực tập tiêm cánh tay	Khối ngành 6
323	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH tiêm bắp cánh tay	Khối ngành 6
324	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH tiêm bắp cánh tay	Khối ngành 6
325	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH tiêm bắp cánh tay	Khối ngành 6
326	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH tiêm bắp cánh tay	Khối ngành 6
327	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH tiêm bắp cánh tay	Khối ngành 6
328	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH tiêm bắp ở cánh tay có báo động	Khối ngành 6

329	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH tiêm bắp ở cánh tay có bảo động	Khối ngành 6
330	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH truyền cánh tay	Khối ngành 6
331	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	MH truyền cánh tay	Khối ngành 6
332	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Nội hấp	Khối ngành 6
333	Phòng thí nghiệm Điều dưỡng (801)	Tủ sấy thường	Khối ngành 6
334	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
335	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Cân kỹ thuật hiện số 0.01g	Khối ngành 6
336	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Hệ thống Elisa	Khối ngành 6
337	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
338	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
339	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
340	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6

341	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
342	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
343	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
344	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
345	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
346	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
347	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
348	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
349	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
350	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
351	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6

	(804)		
352	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
353	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
354	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
355	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
356	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
357	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
358	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
359	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
360	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
361	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

362	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
363	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
364	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
365	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
366	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
367	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
368	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
369	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
370	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
371	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
372	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

	(804)		
373	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy chiếu	Khối ngành 6
374	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy in	Khối ngành 6
375	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy in	Khối ngành 6
376	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy khuếch đại gen	Khối ngành 6
377	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy li tâm lạnh	Khối ngành 6
378	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy vi tính	Khối ngành 6
379	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy vi tính	Khối ngành 6
380	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy vi tính	Khối ngành 6
381	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy vi tính	Khối ngành 6
382	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy xét nghiệm nước tiểu	Khối ngành 6

383	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Khôi ngành 6
384	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Tủ đựng hóa chất có quạt thông gió	Khôi ngành 6
385	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Tủ âm	Khôi ngành 6
386	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Tủ lạnh	Khôi ngành 6
387	Phòng thí nghiệm BM sinh lý bệnh (804)	Tủ sấy	Khôi ngành 6
388	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Bàn có bồn rửa đôi	Khôi ngành 6
389	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Cân kỹ thuật hiện số 0.01g	Khôi ngành 6
390	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Chiết quang kế	Khôi ngành 6
391	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Máy in	Khôi ngành 6
392	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Máy vi tính	Khôi ngành 6
393	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh	Máy vi tính	Khôi ngành 6

	(803)		
394	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Máy vi tính	Khối ngành 6
395	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Máy vi tính	Khối ngành 6
396	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Nhót kế hiện số	Khối ngành 6
397	Phòng thí nghiệm BM Lý sinh - sinh (803)	Phân cực kế	Khối ngành 6
398	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
399	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
400	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
401	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
402	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
403	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6

404	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
405	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
406	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
407	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
408	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
409	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
410	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Cân phân tích điện tử 0.0001g	Khối ngành 6
411	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Hệ thống Elisa	Khối ngành 6
412	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
413	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
414	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký	Kính hiển vi	Khối ngành 6

	sinh trùng (811)		
415	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
416	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
417	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
418	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
419	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
420	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
421	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
422	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
423	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
424	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6

425	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
426	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi	Khối ngành 6
427	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
428	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
429	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
430	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
431	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
432	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
433	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
434	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
435	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6

	sinh trùng (811)		
436	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
437	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
438	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
439	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
440	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
441	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
442	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
443	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
444	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
445	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6

446	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
447	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
448	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
449	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
450	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
451	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
452	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi hai mắt	Khối ngành 6
453	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
454	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
455	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
456	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

	sinh trùng (811)		
457	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
458	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
459	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
460	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
461	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
462	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
463	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
464	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
465	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
466	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

467	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
468	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
469	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
470	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
471	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
472	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
473	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Kính hiển vi truyền hình và chụp ảnh	Khối ngành 6
474	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy chiếu	Khối ngành 6
475	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy hút ẩm	Khối ngành 6
476	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy in	Khối ngành 6
477	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký	Máy khuấy từ gia nhiệt	Khối ngành 6

	sinh trùng (811)		
478	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy lắc mẫu	Khối ngành 6
479	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy li tâm	Khối ngành 6
480	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy li tâm để bàn	Khối ngành 6
481	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy vi tính	Khối ngành 6
482	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy vi tính	Khối ngành 6
483	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy vi tính	Khối ngành 6
484	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Máy vi tính	Khối ngành 6
485	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Nồi hấp tiệt trùng	Khối ngành 6
486	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Ti vi	Khối ngành 6
487	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ đựng hoá chất	Khối ngành 6

488	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ đựng hoá chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
489	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ cấy vô trùng	Khối ngành 6
490	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ ẩm	Khối ngành 6
491	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
492	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
493	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
494	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ lạnh âm sâu trữ mẫu	Khối ngành 6
495	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ sấy	Khối ngành 6
496	Phòng thí nghiệm BM Vi sinh ký sinh trùng (811)	Tủ sấy	Khối ngành 6
497	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
498	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6

499	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
500	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
501	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
502	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
503	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
504	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
505	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
506	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
507	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
508	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Cân kỹ thuật hiện số 0.01g	Khối ngành 6
509	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
510	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
511	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
512	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
513	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6

514	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
515	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
516	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
517	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
518	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
519	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
520	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
521	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
522	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
523	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
524	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
525	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
526	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
527	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
528	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6

529	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
530	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
531	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
532	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
533	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
534	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
535	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
536	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
537	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
538	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
539	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
540	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
541	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
542	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
543	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

544	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
545	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
546	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
547	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
548	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
549	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
550	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
551	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
552	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
553	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
554	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
555	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
556	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
557	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
558	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

559	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
560	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
561	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
562	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Kính hiển vi truyền hình và chụp ảnh	Khối ngành 6
563	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy điện di	Khối ngành 6
564	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy đo tốc độ lắng máu tự động	Khối ngành 6
565	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy cất nước hai lần kèm bộ khử ion đầu vào	Khối ngành 6
566	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy in	Khối ngành 6
567	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy in	Khối ngành 6
568	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy khuấy từ gia nhiệt	Khối ngành 6
569	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy li tâm để bàn	Khối ngành 6
570	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy phân tích huyết học 19 thông số	Khối ngành 6
571	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy vi tính	Khối ngành 6
572	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy vi tính	Khối ngành 6
573	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy vi tính	Khối ngành 6

574	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Máy vi tính	Khối ngành 6
575	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Tủ đựng hoá chất	Khối ngành 6
576	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Tủ ấm thường	Khối ngành 6
577	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Tủ lạnh	Khối ngành 6
578	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Tủ lạnh âm sâu -30độC	Khối ngành 6
579	Phòng thí nghiệm BM Sinh lý (810)	Tủ sấy thường	Khối ngành 6
580	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Bàn có 2 bồn rửa Thạch anh HH3	Khối ngành 6
581	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Bàn chuẩn bị TN Thạch anh	Khối ngành 6
582	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Bàn thí nghiệm đơn Thạch anh	Khối ngành 6
583	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Bàn thí nghiệm trung tâm DD2	Khối ngành 6
584	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Cân điện tử	Khối ngành 6
585	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Cân phân tích	Khối ngành 6
586	Phòng thí nghiệm	Cân phân tích	Khối ngành 6

	BM Bào chế (705)		
587	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Máy in	Khối ngành 6
588	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Máy vi tính	Khối ngành 6
589	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Máy vi tính	Khối ngành 6
590	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Máy vi tính	Khối ngành 6
591	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Nội cách thuỷ y tế HHS	Khối ngành 6
592	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Nội cách thuỷ y tế HHS	Khối ngành 6
593	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Nội cách thuỷ y tế HHS	Khối ngành 6
594	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Cân phân tích điện tử	Khối ngành 6
595	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Cân kỹ thuật	Khối ngành 6
596	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Tủ sấy	Khối ngành 6

597	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Máy đo độ hòa tan	Khối ngành 6
598	Phòng thí nghiệm BM Bào chế (705)	Bộ chiết Soxhlet	Khối ngành 6
599	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Bàn có 2 bồn rửa DL4	Khối ngành 6
600	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6
601	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
602	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Bàn thí nghiệm trung tâm DD1	Khối ngành 6
603	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Cân kỹ thuật hiện số 0.01g	Khối ngành 6
604	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Máy in	Khối ngành 6
605	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Máy vi tính	Khối ngành 6
606	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Tủ đựng hoá chất	Khối ngành 6
607	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Tủ sấy	Khối ngành 6
608	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Máy vi tính	Khối ngành 6
609	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Cân phân tích điện tử	Khối ngành 6
610	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Cân kỹ thuật	Khối ngành 6

611	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Tủ sấy	Khối ngành 6
612	Phòng thí nghiệm Dược lý (706)	Bếp cách thủy	Khối ngành 6
613	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Bàn có 2 bồn rửa	Khối ngành 6
614	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
615	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Bàn thí nghiệm đơn Thạch anh	Khối ngành 6
616	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy hút ẩm	Khối ngành 6
617	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy in	Khối ngành 6
618	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
619	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
620	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
621	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6

622	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
623	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
624	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
625	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
626	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
627	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	Máy vi tính	Khối ngành 6
628	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
629	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
630	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
631	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
632	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

	(707,1004)		
633	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
634	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
635	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
636	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
637	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
638	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
639	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
640	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
641	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
642	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

643	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
644	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
645	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
646	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
647	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
648	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
649	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
650	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
651	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
652	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
653	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

	(707,1004)		
654	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
655	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
656	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
657	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
658	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
659	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
660	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
661	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
662	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
663	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

664	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
665	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
666	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
667	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
668	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
669	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
670	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
671	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
672	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
673	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
674	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

	(707,1004)		
675	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
676	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
677	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
678	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
679	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
680	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
681	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
682	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
683	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
684	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

685	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
686	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
687	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
688	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
689	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
690	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
691	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
692	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
693	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
694	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
695	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

	(707,1004)		
696	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
697	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
698	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
699	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
700	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
701	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
702	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
703	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
704	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
705	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

706	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
707	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
708	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
709	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
710	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
711	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
712	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
713	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
714	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
715	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
716	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

	(707,1004)		
717	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
718	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
719	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
720	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
721	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
722	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
723	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
724	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
725	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
726	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6

727	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu	Khối ngành 6
728	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
729	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
730	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
731	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
732	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
733	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
734	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
735	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
736	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
737	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6

	(707,1004)		
738	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
739	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
740	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
741	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
742	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
743	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
744	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
745	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
746	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
747	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6

748	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
749	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
750	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
751	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
752	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
753	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
754	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
755	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
756	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
757	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
758	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6

	(707,1004)		
759	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
760	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
761	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
762	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
763	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
764	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
765	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
766	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
767	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
768	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6

769	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
770	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
771	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
772	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
773	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
774	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
775	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH đào tạo kỹ thuật châm cứu cánh tay	Khối ngành 6
776	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH điện tử đa phương tiện, xoa bóp và châm cứu	Khối ngành 6
777	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH điện tử đa phương tiện, xoa bóp và châm cứu	Khối ngành 6
778	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH điện tử đa phương tiện, xoa bóp và châm cứu	Khối ngành 6
779	Phòng thí nghiệm BM châm cứu	MH điện tử đa phương tiện, xoa bóp và châm cứu	Khối ngành 6

	(707,1004)		
780	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH điện tử đa phương tiện, xoa bóp và châm cứu	Khối ngành 6
781	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH điện tử đa phương tiện, xoa bóp và châm cứu	Khối ngành 6
782	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH điện tử đa phương tiện, xoa bóp và châm cứu	Khối ngành 6
783	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH châm cứu phát quang đa phương tiện trên cơ thể người	Khối ngành 6
784	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH châm cứu phát quang đa phương tiện trên cơ thể người	Khối ngành 6
785	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH châm cứu phát quang đa phương tiện trên cơ thể người	Khối ngành 6
786	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH châm cứu phát quang đa phương tiện trên cơ thể người	Khối ngành 6
787	Phòng thí nghiệm BM châm cứu (707,1004)	MH châm cứu phát quang đa phương tiện trên cơ thể người	Khối ngành 6
788	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn có 2 bồn rửa	Khối ngành 6
789	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6
790	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6

791	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Khối ngành 6
792	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn giảng đường	Khối ngành 6
793	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
794	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn thí nghiệm trung tâm	Khối ngành 6
795	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn thí nghiệm trung tâm	Khối ngành 6
796	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bàn thí nghiệm trung tâm	Khối ngành 6
797	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
798	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
799	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Bể rung siêu âm	Khối ngành 6
800	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Cân phân tích	Khối ngành 6
801	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Cân phân tích điện tử	Khối ngành 6
802	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Cân phân tích điện tử 0.0001g	Khối ngành 6
803	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy cất nước hai lần kèm bộ khử ion đầu vào	Khối ngành 6
804	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy in	Khối ngành 6
805	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy khuấy cơ học	Khối ngành 6

806	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy khuấy từ gia nhiệt	Khối ngành 6
807	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy li tâm cao tốc	Khối ngành 6
808	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy quang phổ tử ngoại khả biến	Khối ngành 6
809	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy vi tính	Khối ngành 6
810	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy vi tính	Khối ngành 6
811	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Khối ngành 6
812	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Tủ đựng hóa chất	Khối ngành 6
813	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Tủ đựng hóa chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
814	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Tủ đựng hóa chất có quạt thông gió	Khối ngành 6
815	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Tủ hút khí độc	Khối ngành 6
816	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Tủ lạnh âm sâu -30độC	Khối ngành 6
817	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Tủ sấy thường	Khối ngành 6
818	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy đo pH để bàn	Khối ngành 6
819	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy đo pH để bàn	Khối ngành 6
820	Phòng thí nghiệm BM Hóa (701)	Máy đo phân cực tự động để bàn	Khối ngành 6

821	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
822	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
823	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
824	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
825	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
826	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
827	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
828	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
829	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
830	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
831	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
832	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
833	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
834	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
835	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6

836	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
837	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
838	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
839	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
840	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
841	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
842	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
843	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
844	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
845	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
846	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
847	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
848	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
849	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
850	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6

851	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
852	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
853	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
854	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
855	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
856	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
857	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
858	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
859	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
860	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
861	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
862	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
863	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
864	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
865	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6

866	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
867	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
868	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
869	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
870	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
871	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
872	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
873	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
874	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
875	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
876	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
877	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
878	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
879	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
880	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6

881	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính	Khối ngành 6
882	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
883	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
884	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
885	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
886	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
887	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
888	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
889	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
890	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
891	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
892	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
893	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
894	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
895	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
896	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
897	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
898	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
899	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
900	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
901	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
902	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
903	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
904	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6

905	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
906	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
907	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
908	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
909	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
910	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
911	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
912	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
913	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
914	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
915	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
916	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
917	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
918	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
919	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
920	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
921	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
922	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
923	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
924	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
925	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
926	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
927	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
928	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6

929	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
930	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
931	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
932	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
933	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
934	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
935	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
936	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
937	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
938	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
939	Phòng thi test	Máy vi tính	Khối ngành 6
940	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
941	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
942	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
943	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
944	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
945	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
946	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
947	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6

948	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
949	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
950	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
951	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
952	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
953	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
954	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
955	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
956	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
957	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
958	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
959	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
960	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
961	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
962	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6

963	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
964	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
965	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
966	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
967	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
968	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
969	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
970	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
971	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
972	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
973	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
974	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
975	Phòng học đa năng	Máy vi tính	Khối ngành 6
976	Phòng Tiền lâm sàng	Máy theo dõi bệnh nhận 5 thông số.	Khối ngành 6
977	Phòng Tiền lâm sàng	Máy theo dõi bệnh nhận 5 thông số.	Khối ngành 6

978	Phòng Tiền lâm sàng	Máy sốc điện	Khối ngành 6
979	Phòng Tiền lâm sàng	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	Khối ngành 6
980	Phòng Tiền lâm sàng	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	Khối ngành 6
981	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình hồi sức tim phổi bán thân có bảng chỉ dẫn	Khối ngành 6
982	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình nghe tim phổi điện tử	Khối ngành 6
983	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình chọc dò màng phổi	Khối ngành 6
984	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình thực tập chọc dò tủy sống	Khối ngành 6
985	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình chọc dò màng tim	Khối ngành 6
986	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình chọc dò màng bụng	Khối ngành 6
987	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình thực tập đặt Catheter tĩnh mạch trung tâm	Khối ngành 6
988	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình hồi sức cấp cứu tuần hoàn điện tử	Khối ngành 6
989	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình toàn thân đa chức năng hồi sức, sốc điện, đo huyết áp, đặt nội khí quản kết nối máy in.	Khối ngành 6
990	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình cánh tay vết thương.	Khối ngành 6
991	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình mô phỏng nhiều vết thương nặng	Khối ngành 6

992	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình vết thương loét ứ máu tĩnh mạch	Khối ngành 6
993	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình vết thương nhiễm khuẩn lan rộng	Khối ngành 6
994	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình toàn thân với sự phá hủy do hạt nhân, hóa học, sinh học, tia X quang	Khối ngành 6
995	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đỡ đẻ tự động toàn thân	Khối ngành 6
996	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đỡ đẻ tự động bán thân	Khối ngành 6
997	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình khám thai	Khối ngành 6
998	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình khám thai dị vật bụng bầu	Khối ngành 6
999	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đỡ đẻ thường	Khối ngành 6
1000	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình dạy phụ đẻ	Khối ngành 6
1001	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình cắt khâu tầng sinh môn	Khối ngành 6
1002	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình chuyển dạ	Khối ngành 6
1003	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình khám phụ khoa	Khối ngành 6
1004	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình hồi sức tim phổi người lớn có đặt nội khí quản và đánh sốc	Khối ngành 6
1005	Phòng Tiền lâm sàng	Máy phá rung tim	Khối ngành 6

1006	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đặt nội khí quản khó người lớn	Khối ngành 6
1007	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình mở nội khí quản	Khối ngành 6
1008	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình hồi sức tim phổi trẻ em	Khối ngành 6
1009	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình hồi sức tim phổi trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
1010	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đặt nội khí quản người lớn	Khối ngành 6
1011	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đặt nội khí quản trẻ em	Khối ngành 6
1012	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đặt nội khí quản trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
1013	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình đào tạo kỹ năng hộ sinh	Khối ngành 6
1014	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình chăm sóc, điều dưỡng đa năng người lớn	Khối ngành 6
1015	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình chăm sóc, điều dưỡng đa năng trẻ em	Khối ngành 6
1016	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình chăm sóc, điều dưỡng đa năng trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
1017	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình giải phẫu vùng mắt	Khối ngành 6
1018	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình giải phẫu mắt	Khối ngành 6
1019	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình giải phẫu các bệnh lý của mắt	Khối ngành 6
1020	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình giải phẫu tai	Khối ngành 6

1021	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình ốc tai	Khối ngành 6
1022	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình mũi và cánh mũi	Khối ngành 6
1023	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình thanh quản	Khối ngành 6
1024	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình tim	Khối ngành 6
1025	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình gan với túi mật	Khối ngành 6
1026	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình thận 3 mảnh	Khối ngành 6
1027	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình bộ máy tiết niệu	Khối ngành 6
1028	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình phổi	Khối ngành 6
1029	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình phế nang	Khối ngành 6
1030	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình ruột	Khối ngành 6
1031	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình tá tụy	Khối ngành 6
1032	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình giải phẫu hệ cơ 45 phần	Khối ngành 6
1033	Phòng Tiền lâm sàng	Mô hình giải phẫu bán thân	Khối ngành 6
1034	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Cánh tay mô hình mạch tượng	Khối ngành 6
1035	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Cánh tay mô hình mạch tượng	Khối ngành 6

1036	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Hệ thống chuẩn đoán mạch	Khối ngành 6
1037	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Hệ thống chuẩn đoán mạch	Khối ngành 6
1038	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Hệ thống mô hình	Khối ngành 6
1039	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Hệ thống mô hình	Khối ngành 6
1040	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Hệ thống mô hình	Khối ngành 6
1041	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy chiếu	Khối ngành 6
1042	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy in	Khối ngành 6
1043	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy vi tính	Khối ngành 6
1044	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy vi tính	Khối ngành 6
1045	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy vi tính	Khối ngành 6
1046	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy vi tính	Khối ngành 6
1047	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy vi tính	Khối ngành 6
1048	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Mô hình máy dùng cho thực tập giảng dạy bắt mạch	Khối ngành 6
1049	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Mô hình máy dùng cho thực tập giảng dạy bắt mạch	Khối ngành 6
1050	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Thiết bị phân tích mạch tổng mạch	Khối ngành 6

1051	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Thiết bị phân tích mạch tổng mạch	Khối ngành 6
1052	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Thiết bị thiết chẩn	Khối ngành 6
1053	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Thiết bị thiết chẩn	Khối ngành 6
1054	Phòng thí nghiệm bộ môn Y lý	Máy vi tính	Khối ngành 6
1055	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1056	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1057	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1058	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1059	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1060	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1061	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1062	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1063	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1064	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn để kính hiển vi gỗ TN	Khối ngành 6
1065	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6

1066	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn giảng đường	Khối ngành 6
1067	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn labo thí nghiệm	Khối ngành 6
1068	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn labo thí nghiệm	Khối ngành 6
1069	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn labo thí nghiệm	Khối ngành 6
1070	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
1071	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
1072	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Bể dàn tiêu bản	Khối ngành 6
1073	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1074	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1075	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1076	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1077	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1078	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1079	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1080	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6

1081	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1082	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1083	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1084	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1085	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1086	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1087	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1088	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1089	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1090	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1091	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1092	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1093	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1094	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1095	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6

1096	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1097	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1098	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1099	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1100	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1101	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1102	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1103	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1104	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1105	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1106	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1107	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1108	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1109	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1110	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6

1111	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1112	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1113	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1114	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1115	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1116	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1117	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1118	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1119	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1120	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
1121	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi 5 đầu soi	Khối ngành 6
1122	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1123	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1124	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1125	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6

1126	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1127	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1128	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1129	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1130	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1131	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Khối ngành 6
1132	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi truyền hình và chụp ảnh	Khối ngành 6
1133	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy cắt tiêu bản quay tay	Khối ngành 6
1134	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy chiếu	Khối ngành 6
1135	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy in	Khối ngành 6
1136	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy in	Khối ngành 6
1137	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy làm ẩm tiêu bản	Khối ngành 6
1138	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy ủ chuyển bệnh phẩm	Khối ngành 6
1139	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy nhuộm tiêu bản	Khối ngành 6
1140	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy vi tính	Khối ngành 6

1141	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy vi tính	Khối ngành 6
1142	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Máy vi tính	Khối ngành 6
1143	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Ti vi	Khối ngành 6
1144	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Tủ ấm	Khối ngành 6
1145	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Tủ lạnh	Khối ngành 6
1146	Phòng thí nghiệm Giải phẫu bệnh	Tủ sấy thường	Khối ngành 6
1147	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Đầu tạo hạt	Khối ngành 6
1148	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Đầu tạo hạt ướt	Khối ngành 6
1149	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Điều hoà nhiệt độ	Khối ngành 6
1150	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Điều hoà nhiệt độ	Khối ngành 6
1151	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Điều hoà nhiệt độ cây	Khối ngành 6
1152	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6
1153	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6
1154	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6
1155	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn có bồn rửa đôi	Khối ngành 6

1156	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn mổ súc vật	Khối ngành 6
1157	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn mổ súc vật	Khối ngành 6
1158	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn mổ súc vật	Khối ngành 6
1159	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn mổ súc vật	Khối ngành 6
1160	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn mổ súc vật	Khối ngành 6
1161	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn mổ súc vật	Khối ngành 6
1162	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn mổ súc vật	Khối ngành 6
1163	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
1164	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
1165	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn thí nghiệm	Khối ngành 6
1166	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn thí nghiệm trung tâm	Khối ngành 6
1167	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bàn thí nghiệm trung tâm	Khối ngành 6
1168	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bộ chiết dung môi	Khối ngành 6
1169	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bộ chiết dung môi	Khối ngành 6
1170	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bộ chiết Soxhet	Khối ngành 6

1171	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bộ chưng cất tinh dầu	Khối ngành 6
1172	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
1173	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bộ Micropipet	Khối ngành 6
1174	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bể điều nhiệt	Khối ngành 6
1175	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Bể điều nhiệt	Khối ngành 6
1176	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Buồng đèn soi UV	Khối ngành 6
1177	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Cân phân tích điện tử 0.0001g	Khối ngành 6
1178	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Cân xác định độ ẩm	Khối ngành 6
1179	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Ghế gỗ minh đạo	Khối ngành 6
1180	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Hệ thống bình ngưng kiệt	Khối ngành 6
1181	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Hệ thống ghi tín hiệu cơ cơ	Khối ngành 6
1182	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Hệ thống sắc kỹ lỏng hiệu nâng cao	Khối ngành 6
1183	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Hệ thống sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao	Khối ngành 6
1184	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Kính hiển vi	Khối ngành 6
1185	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Kính hiển vi	Khối ngành 6

1186	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1187	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Kính hiển vi 1 mắt	Khối ngành 6
1188	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Kính hiển vi truyền hình ảnh	Khối ngành 6
1189	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Kính hiển vi truyền hình và chụp ảnh	Khối ngành 6
1190	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Lò nhot chuột, cân xúc vật	Khối ngành 6
1191	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đóng thuốc bột	Khối ngành 6
1192	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đóng túi thủ công	Khối ngành 6
1193	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy điện di	Khối ngành 6
1194	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đo độ đau do nhiệt	Khối ngành 6
1195	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đo độ cứng	Khối ngành 6
1196	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đo độ dài mòn	Khối ngành 6
1197	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đo độ rã	Khối ngành 6
1198	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đo giảm đau mâm nóng	Khối ngành 6
1199	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đo PH để bàn	Khối ngành 6
1200	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy cắt quay	Khối ngành 6

1201	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy đo thể tích viem (độ phù) trên chân chuột	Khối ngành 6
1202	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy dập viên tâm sai	Khối ngành 6
1203	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy hút ẩm	Khối ngành 6
1204	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy hút ẩm	Khối ngành 6
1205	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy hút ẩm	Khối ngành 6
1206	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy in	Khối ngành 6
1207	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy in	Khối ngành 6
1208	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy li tâm để bàn	Khối ngành 6
1209	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy nước cất một lần	Khối ngành 6
1210	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy phun sấy mini	Khối ngành 6
1211	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy quang phổ tử ngoại khả biến	Khối ngành 6
1212	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy tán bột dược liệu	Khối ngành 6
1213	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy thái dược liệu	Khối ngành 6
1214	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6
1215	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6

1216	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6
1217	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6
1218	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6
1219	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6
1220	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6
1221	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính	Khối ngành 6
1222	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy vi tính xách tay	Khối ngành 6
1223	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Máy xét nghiệm huyết học chuyên thú y 17 thông số	Khối ngành 6
1224	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Mô tô vận năng	Khối ngành 6
1225	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Thiết bị phân tích hàm lượng tro	Khối ngành 6
1226	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Ti vi	Khối ngành 6
1227	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Tủ ấm	Khối ngành 6
1228	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Tủ lạnh	Khối ngành 6
1229	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Tủ lạnh âm sâu trữ mẫu	Khối ngành 6
1230	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Tủ sấy	Khối ngành 6

1231	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Tủ sấy	Khối ngành 6
1232	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Tủ sấy	Khối ngành 6
1233	Phòng thí nghiệm: Viện Nghiên cứu	Tủ vi khí hậu	Khối ngành 6

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	63147
7	Khối ngành VII	

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 01 kèm theo

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 02 kèm theo

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

1.1.1. Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

1.1.2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì Giám đốc Học viện xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Toàn quốc

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển;

- Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và có tổ hợp bài thi, môn thi theo từng ngành đào tạo được quy định trong đề án này để xét tuyển
- Điểm trúng tuyển xét theo từng ngành (từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu).
- Trong xét tuyển đợt 1: Thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng kí (trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách được quy định riêng)
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau:
 - + Với tổ hợp xét tuyển Toán – Vật lí – Hóa học vào ngành Dược học: ưu tiên 1: môn Hóa học ; ưu tiên 2: môn Toán.
 - + Với tổ hợp xét tuyển Toán –Hóa học – Sinh học vào ngành Y khoa và Y học cổ truyền: ưu tiên 1: môn Sinh học; ưu tiên 2: môn Toán.
 - + Sau khi xét thêm điều kiện phụ, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (Nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Y khoa	7720101	1201/QĐ-BGDĐT	20/03/2018	Bộ GDĐT	2016
2	Y học cổ truyền	7720115	1201/QĐ-BGDĐT	20/03/2018	Bộ GDĐT	2005
3	Dược học	7720201	1201/QĐ-BGDĐT	20/03/2018	Bộ GDĐT	2014

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

STT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Xét theo KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Y khoa	7720101	290	10	B00							

1.2	Y học cổ truyền	7720115	425	25	B00							
1.3	Dược học	7720201	190	10	A00							

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Căn cứ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học khối ngành sức khỏe theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học viện sẽ công bố mức điểm đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn trước ngày 08/9/2020.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

1.6.1. Mã số trường: HYD

1.6.2. Mã số ngành Y học cổ truyền: 7720115

- Tổ hợp xét tuyển: B00 (Toán – Hóa học – Sinh học)

1.6.3. Mã số ngành Y khoa: 7720101

- Tổ hợp xét tuyển: B00 (Toán – Hóa học – Sinh học)

1.6.4. Mã số ngành Dược học: 7720201

- Tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán – Vật lí – Hóa học)

1.6.5. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau:

+ Với tổ hợp xét tuyển Toán – Vật lí – Hóa học vào ngành Dược học: ưu tiên 1: môn Hóa học ; ưu tiên 2: môn Toán.

+ Với tổ hợp xét tuyển Toán – Hóa học – Sinh học vào ngành Y khoa và Y học cổ truyền: ưu tiên 1: môn Sinh học; ưu tiên 2: môn Toán.

+ Sau khi xét thêm điều kiện phụ, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

1.7.1. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

-Đăng kí xét tuyển đợt 1: Dự kiến Từ ngày 15/6/2020 đến ngày 30/6/2020

-Đăng kí xét tuyển bổ sung (nếu có): sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn sau ngày 08/10/2020.

1.7.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

-Đăng kí xét tuyển đợt 1: Thí sinh nộp phiếu đăng kí xét tuyển cùng với hồ sơ đăng kí tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 tại các điểm thu nhận hồ sơ theo quy định của các sở Giáo dục đào tạo kèm theo lệ phí đăng kí xét tuyển.

-Đăng kí xét tuyển bổ sung (nếu có): Thí sinh thực hiện đăng kí xét tuyển và nộp lệ phí theo quy định của Học viện (sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn sau ngày 08/10/2020).

1.7.3. Thời gian, hình thức nhận hồ sơ xác nhận nhập học:

-Xác nhận nhập học đợt 1: Danh sách trúng tuyển công bố trên website Học viện trước 17h ngày 27/9/2020

Thí sinh trúng tuyển gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đến Học viện bằng thư chuyên phát nhanh trước 17h00 ngày 03 tháng 10 năm 2020 (theo dấu bưu điện).

- Xác nhận nhập học bổ sung (nếu có): sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn sau ngày 08/10/2020.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

1.8.1. Đối tượng xét tuyển thẳng:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sỹ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Người đã trúng tuyển vào Học viện, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ.

- Những thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Sinh, đã tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào ngành đào tạo Y học cổ truyền hoặc Y khoa; Những thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Hóa, đã tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào ngành đào tạo Dược học.

- Những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Sinh và đã tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào ngành đào tạo Y học cổ truyền hoặc Y khoa; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Hóa và đã tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào ngành đào tạo Dược học.

- Những thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế và những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp trung học phổ thông, Giám đốc và Hội đồng khoa học của Học viện sẽ xem xét cụ thể kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải để xét tuyển thẳng theo đúng ngành hoặc ngành gần của môn mà thí sinh đã đoạt giải.

- Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Học viện: Giám đốc Học viện sẽ căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (Bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định để xem xét, quyết định cho vào học.

- Đối tượng được xét tuyển thẳng vào Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam theo qui định tại điểm i, khoản 2, điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) phải có các điều kiện sau:

+ Có điểm trung bình các bài thi tốt nghiệp THPT đạt từ 6,00 điểm trở lên.

+ Điểm trong Học bạ của các bài thi, môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển theo từng ngành đạt từ 7,0 điểm trở lên ở cả 3 năm học cấp THPT.

1.8.2. Hồ sơ xét tuyển thẳng:

Thủ tục hồ sơ, thời hạn và phương thức nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển thẳng: Theo quy định tại Công văn số 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển:(Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện xét tuyển thẳng hay không dùng điều kiện xét tuyển thẳng).

Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa, Sinh, Lý sẽ được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp xét tuyển có môn đó, cụ thể như sau:

- Đạt giải Nhất: cộng 3,0 điểm.
- Đạt giải Nhì: cộng 2,0 điểm.
- Đạt giải Ba: cộng 1,0 điểm.
- Đạt giải Khuyến khích: cộng 0,5 điểm.

1.8.4. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

* Chỉ tiêu xét tuyển thẳng:

- Ngành Y học cổ truyền: 25 chỉ tiêu
- Ngành Y khoa: 10 chỉ tiêu
- Ngành Dược học: 10 chỉ tiêu

* Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển: không giới hạn

1.8.5. Hồ sơ xét tuyển thẳng, hồ sơ đăng kí ưu tiên xét tuyển.

Thủ tục hồ sơ, thời hạn và phương thức nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển thẳng: Theo quy định tại Công văn số 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8.6. Chính sách ưu tiên theo khu vực, đối tượng ưu tiên:

Thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành (Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non. Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...*

Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. *Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

Học phí dự kiến với sinh viên chính quy: 14.300.000đ/năm. Lộ trình tăng học phí theo qui định chung.

1.11. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....*

1.11.1 Tuyển sinh đại học liên thông chính quy

1.11.1.1 Tên ngành tuyển sinh liên thông: Y học cổ truyền.

1.11.1.2. Trình độ và hình thức đào tạo liên thông: Trình độ đại học. Hình thức đào tạo tập trung, chính qui theo hệ thống tín chỉ.

1.11.1.3. Đối tượng và hình thức tuyển sinh:

1.11.1.3.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

- Điều kiện của người dự tuyển liên thông: Thí sinh dự tuyển vào Học viện trình độ đại học ngành Y học cổ truyền hệ liên thông chính quy năm 2020 phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có bằng tốt nghiệp Y sĩ (Y sĩ y học cổ truyền, y sĩ đa khoa, hoặc bằng y sĩ khác)

1.11.1.3.2. Hình thức tuyển sinh:

1.11.1.3.2.1. Phương thức tuyển sinh:

- Sử dụng kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và có tổ hợp bài thi Toán, môn thi Hóa học, Sinh học để xét tuyển (Học viện không tổ chức kì thi riêng).

- Điểm trúng tuyển không được thấp hơn quá 03 điểm so với điểm trúng tuyển vào ngành y học cổ truyền trình độ đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2020 của Học viện. Nếu số thí sinh có điểm xét tuyển đạt điều kiện này cao hơn số chỉ tiêu thì điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau: ưu tiên 1: môn Sinh; ưu tiên 2: môn Toán.

1.11.1.3.2.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 10 chỉ tiêu.

1.11.1.3.3.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

- Căn cứ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học khối ngành sức khỏe theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học viện sẽ công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn trước ngày 08/9/2020.

1.11.1.3.3.4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng kí xét tuyển:

Thí sinh phải đăng kí tham dự kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2020 trong thời hạn dự kiến từ ngày 15/6/2020 đến ngày 30/6/2010 tại các điểm tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự thi theo Quy định của các Sở Giáo dục và Đào tạo và tham gia dự thi để có kết quả tổ hợp bài thi Toán, môn thi Hóa học, Sinh học.

1.11.1.3.3.5. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Sau khi có kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển vào hệ liên thông chính quy ngành Y học cổ truyền của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam sẽ được thông báo chính thức trên website www.vutm.edu.vn ngày 08/9/2020.
- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp phiếu đăng ký xét tuyển cùng với bản sao công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2020 trong đó có điểm 3 môn thi: Toán, Hóa học, Sinh học. Quy định chi tiết về mẫu phiếu và hình thức nhận hồ sơ sẽ được thông báo chính thức trên website www.vutm.edu.vn ngày 08/9/2020.
- Thời gian, hình thức nhận hồ sơ xác nhận nhập học: Danh sách trúng tuyển công bố trên website Học viện trước 17h ngày 27/9/2020. Thí sinh trúng tuyển gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đến Học viện bằng thư chuyển phát nhanh trước 17h00 ngày 03 tháng 10 năm 2020 (theo dấu bưu điện).
- Các thông tin về tổ chức tuyển sinh bổ sung (nếu có): sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn sau ngày 08/10/2020.
- Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành (Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- Lệ phí xét tuyển: Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.11.2. Tuyển sinh hệ đào tạo liên kết: Có thông báo riêng, đăng tải trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

1.12.2. Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù

1.12.3. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (không trái quy định hiện hành)....

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2018

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VI	820	0	827	0	504	0	87	0
Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0	0	0

1.13.2. Năm tuyển sinh 2019

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VI	930	0	922	0	805	0	42	0

Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0	0	0
----------------	---	---	---	---	---	---	---	---

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 78.880.892.594 đ
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 34.016.000đ/sv/năm

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và đào tạo văn bằng 2 VLVH)

2.1. Đối tượng tuyển sinh

2.2. Phạm vi tuyển sinh

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
-----	-----------	----------	--------------------	--------------------	----------------------------	--	---------------------

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

2.8. Chính sách ưu tiên:

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung
-----	---------	----------

3. Tuyển sinh đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VB2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
-----	-----------	----------	------------------------------	-------------------------	-------------------	----------------------------	--	---------------------

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

4. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

4.1. Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan (Bộ ngành, UBND tỉnh)

4.2. Chỉ tiêu đào tạo

4.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.4. Các nội tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng do các trường quy định (không trái quy định hiện hành).

5. Tuyển sinh liên thông trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

5.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh dự tuyển vào Học viện trình độ đại học ngành Y học cổ truyền hệ liên thông chính quy năm 2020 phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có bằng tốt nghiệp Y sĩ (Y sĩ y học cổ truyền, y sĩ đa khoa, hoặc bằng y sĩ khác)

5.2. Phạm vi tuyển sinh

Toàn quốc

5.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển;

5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Trình độ đại học	Y học cổ truyền	7720115	10		4800/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	20/05/2017	Bộ Giáo dục Đào	2006

								ạo	
--	--	--	--	--	--	--	--	----	--

5.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Căn cứ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học khối ngành sức khỏe theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học viện sẽ công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn trước ngày 08/9/2020.

5.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Thí sinh phải đăng kí tham dự kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2020 trong thời hạn dự kiến từ ngày 15/6/2020 đến ngày 30/6/2020 tại các điểm tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự thi theo Quy định của các Sở Giáo dục và Đào tạo và tham gia dự thi để có kết quả tổ hợp bài thi Toán, môn thi Hóa học, Sinh học.

5.6.1 Mã số trường: HYD

5.6.2. Mã số ngành Y học cổ truyền: 7720115

- Tổ hợp xét tuyển: B00 (Toán – Hóa học – Sinh học)

5.6.3. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau:

+ Với tổ hợp xét tuyển Toán – Vật lí – Hóa học vào ngành Dược học: ưu tiên 1: môn Hóa học ; ưu tiên 2: môn Toán.

+ Với tổ hợp xét tuyển Toán – Hóa học – Sinh học vào ngành Y khoa và Y học cổ truyền: ưu tiên 1: môn Sinh học; ưu tiên 2: môn Toán.

5.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Sau khi có kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển vào hệ liên thông chính quy ngành Y học cổ truyền của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam sẽ được thông báo chính thức trên website www.vutm.edu.vn ngày 08/9/2020.

- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp phiếu đăng ký xét tuyển cùng với bản sao công chứng Giấy chứng nhận kết quả kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020 trong đó có điểm 3 môn thi: Toán, Hóa học, Sinh học. Quy định chi tiết về mẫu phiếu và hình thức nhận hồ sơ sẽ được thông báo chính thức trên website www.vutm.edu.vn ngày 08/9/2020.

- Thời gian, hình thức nhận hồ sơ xác nhận nhập học: Danh sách trúng tuyển công bố trên website Học viện trước 17h ngày 27/9/2020. Thí sinh trúng tuyển gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đến Học viện bằng thư chuyển phát nhanh trước 17h00 ngày 03 tháng 10 năm 2020 (theo dấu bưu điện).

- Các thông tin về tổ chức tuyển sinh bổ sung (nếu có): sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử www.vutm.edu.vn sau ngày 08/10/2020.

- Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành (Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

5.8. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...*

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

5.9. *Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

14.300.000 đồng/ năm. Lộ trình tăng học phí hàng năm theo quy định chung.

5.10. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm*

STT	Tiêu đề	Nội dung
-----	---------	----------

5.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

Cán bộ kê khai

USP

Ngày xác nhận:

Nguyễn Thị Hà.

Ngày báo cáo:

HIỆU TRƯỞNG



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề án tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020)

Phụ lục 01: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	Doãn Thị Lan Anh	Nữ		THS	Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng anh	x				

2	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ		ĐH	Giáo dục thể chất	x				
3	Đào Thu Hà	Nữ		THS	Ngôn ngữ học	x				
4	Bùi Thị Lan Anh	Nữ		THS	Quản lý khoa học và Công nghệ	x				
5	Hoàng Thị Thu Hằng	Nữ		THS	Hệ thống thông tin	x				
6	Đinh Thị Cẩm Tú	Nữ		THS	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x				
7	Đào Đình Hải	Nam		ĐH	Giáo dục thể chất	x				
8	Đặng Danh Nam	Nam		THS	Giáo dục thể chất	x				
9	Nguyễn Thị	Nữ		THS	Ngôn ngữ	x				

	Thúy				học					
10	Hoàng Thị Phương	Nữ		THS	Triết học	x				
11	Đỗ Quốc Thái	Nam		THS	Thể dục thể thao	x				
12	Phí Thị Việt Hà	Nữ		TS	Ngôn ngữ học đối chiếu so sánh	x				
13	Tường Thị Thắm	Nữ		THS	Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục Chính trị	x				
14	Bùi Thị Phương Thúy	Nữ		THS	Triết học	x				
15	Vũ Thị Huê	Nữ		THS	Triết học	x				
16	Trương Hữu	Nam		THS	Giáo dục	x				

	Hòa				thể chất					
17	Trịnh Thị Phương Mai	Nữ		THS	Ngôn ngữ học	x				
18	Đinh Thị Hồng Minh	Nữ		TS	Khoa học giáo dục	x				
19	Đinh Nguyễn An	Nữ		TS	Triết học	x				
20	Đàm Tú Quỳnh	Nữ		TS	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	x				
21	Trần Thị Ngọc Liên	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc	x				
22	Trần Hồng Thanh	Nữ		THS	Kinh tế chính trị	x				
23	Trần Thị Xoa	Nữ		THS	Lịch sử	x				

24	Trần Thị Tú Quyên	Nữ		THS	Giáo dục thể chất	x				
25	Phạm Thu Hằng	Nữ		THS	Tiếng Trung quốc	x				
26	Phạm Thị Hoa	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung quốc	x				
27	Nguyễn Chi Lê	Nữ		TS	Ngôn ngữ học	x				
28	Phạm Ngân Hà	Nữ		THS	Anh văn	x				
29	Nguyễn Vân Trang	Nữ		THS	Ngôn ngữ học	x				
30	Nguyễn Văn Đức	Nam		THS	Khoa học máy tính	x				
31	Phạm Hải Yến	Nữ		THS	Khoa học máy tính	x				
32	Nguyễn Việt	Nam		THS	Giáo dục	x				

	Hà				thể chất					
33	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ		THS	Hệ thống thông tin	x				
34	Nguyễn Thị Thù	Nữ		THS	Tiếng Trung Quốc	x				
35	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ		THS	Tiếng trung quốc	x				
36	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ		THS	Ngôn ngữ học	x				
37	Nguyễn Thị Ngọc Tú	Nữ		THS	Hệ thống thông tin	x				
38	Nguyễn Thanh Hoa	Nữ		THS	Anh ngữ	x				
39	Nguyễn Thanh An	Nữ		THS	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	x				

40	Nguyễn Phương Dung	Nữ		THS	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	x				
41	Nguyễn Quang Hưng	Nam		THS	Giáo dục thể chất	x				
42	Nguyễn Minh Hiền	Nam		THS	Khoa học máy tính	x				
43	Nguyễn Khắc Mạnh	Nam		THS	Khoa học máy tính	x				
44	Lý Ngọc Tuân	Nam		THS	Triết học	x				
45	Lê Thị Vân Trang	Nữ		THS	Giáo dục thể chất	x				
46	Lê Thị Vân	Nữ		THS	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	x				

47	Lê Thị Mai Trang	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung quốc	x				
48	Lê Thu Trang	Nữ		THS	Tiếng Trung	x				
49	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ		THS	Chính trị học	x				
50	Lâm Thị Huệ	Nữ		THS	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x				
51	Lã Thanh Hà	Nữ		THS	Nội khoa (Da liễu)				7720101	Y khoa
52	Hoàng Thúy Hồng	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
53	Lê Ngọc Hà	Nữ		THS	Kinh tế				7720201	Dược học
54	Lê Minh Nguyệt	Nữ		THS	Y tế công cộng				7720115	Y học cổ truyền

55	Lê Thị Việt Hà	Nữ		THS	Vi sinh vật học				7720115	Y học cổ truyền
56	Lê Thị Lan	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
57	Nguyễn Duy Thuần	Nam	Phó giáo sư	TS	Dược học				7720201	Dược học
58	Lê Thị Tuyết	Nữ	Phó giáo sư	TS	Ký sinh trùng				7720115	Y học cổ truyền
59	Lê Thị Huyền Trang	Nữ		THS	Chăn nuôi				7720201	Dược học
60	Lê Thị Thu Hà	Nữ		THS	Dược liệu- Dược học cổ truyền				7720201	Dược học
61	Lê Thị Phương Thảo	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
62	Lưu Minh Trung	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền

63	Lương Thị Thu Hà	Nữ		THS	Y học dự phòng				7720201	Dược học
64	Lê Văn Mạnh	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
65	Lê Văn Dũng	Nam		THS	Vi sinh vật học				7720115	Y học cổ truyền
66	Lê Thúy Hạnh	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
67	Nguyễn Khắc Điền	Nam		THS	Vật lý				7720115	Y học cổ truyền
68	Nguyễn Huyền Trang	Nữ		THS	Mô phôi thai học				7720115	Y học cổ truyền
69	Nguyễn Duy Thức	Nam		THS	Dược học				7720201	Dược học
70	Nguyễn Du	Nam		THS	Nội thần kinh				7720101	Y khoa
71	Nguyễn Đăng Tuấn	Nam		THS	Nhi khoa				7720101	Y khoa

72	Nguyễn Đắc Thái	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
73	Nguyễn Anh Thư	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
74	Ngô Văn Trọng	Nam		THS	Tai Mũi Họng				7720101	Y khoa
75	Ngô Thị Hà	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
76	Mai Thúy Mai	Nữ		THS	Y tế công cộng				7720115	Y học cổ truyền
77	Mai Thị Hương	Nữ		THS	Tâm lý học				7720115	Y học cổ truyền
78	Nguyễn Minh Hà	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
79	Nguyễn Quang Dương	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
80	Nguyễn Phương Dung	Nữ		THS	Dược học				7720201	Dược học

81	Nguyễn Phạm Thu Mây	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
82	Nguyễn Nhật Minh	Nam		THS	Y học dân tộc				7720115	Y học cổ truyền
83	Nguyễn Thái Sơn	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
84	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
85	Nguyễn Thị Lan	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
86	Nguyễn Thị Huyền	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
87	Nguyễn Thị Hương Lan	Nữ		THS	Nhi khoa				7720115	Y học cổ truyền
88	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ		THS	Quản lý và Lãnh đạo Giáo dục				7720115	Y học cổ truyền
89	Nguyễn Thị	Nữ		THS	Y tế công				7720101	Y khoa

	Hương				cộng					
90	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
91	Nguyễn Thị Hồng Minh	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
92	Nguyễn Thị Hoa	Nữ		THS	Y học cổ truyền Chuyên ngành Nội khoa				7720115	Y học cổ truyền
93	Nguyễn Thị Hiền	Nữ		THS	Dược học cổ truyền				7720201	Dược học
94	Nguyễn Thị Hậu	Nữ		THS	Nội hô hấp				7720115	Y học cổ truyền
95	Nguyễn Thị Hà	Nữ		THS	Quản lý giáo dục				7720115	Y học cổ truyền
96	Nguyễn Thị Giang	Nữ		THS	Vi sinh vật học				7720101	Y khoa

97	Nguyễn Thị Châu Giang	Nữ		THS	Dược học				7720201	Dược học
98	Nguyễn Thanh Nga	Nữ		THS	Y tế công cộng				7720115	Y học cổ truyền
99	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ		THS	Nhãn khoa				7720201	Dược học
100	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
101	Nguyễn Thị Thu Nga	Nữ		THS	Dược học				7720201	Dược học
102	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ		THS	Vi sinh vật học				7720115	Y học cổ truyền
103	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
104	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
105	Nguyễn Thị Phương Thúy	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền

106	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ		THS	Kinh tế chuyên ngành thương mại				7720115	Y học cổ truyền
107	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ		THS	Răng hàm mặt				7720115	Y học cổ truyền
108	Nguyễn Thị Phương	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
109	Nguyễn Thị Nha Trang	Nữ		THS	Di truyền học				7720115	Y học cổ truyền
110	Nguyễn Thị Trang	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
111	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ		THS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học				7720201	Dược học

112	Nguyễn Văn Tuyết	Nam		THS	Quản lý giáo dục				7720115	Y học cổ truyền
113	Phạm Hà Ly	Nữ		THS	Nhi khoa				7720101	Y khoa
114	Nguyễn Võ Hoàng Anh	Nữ		THS	Răng hàm mặt				7720115	Y học cổ truyền
115	Nguyễn Vĩnh Thanh	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
116	Nguyễn Vinh Huy Chính	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
117	Nguyễn Văn Đồng	Nam		THS	Răng hàm mặt				7720101	Y khoa
118	Nguyễn Văn Bình	Nam		THS	Y tế công cộng				7720115	Y học cổ truyền
119	Nguyễn Trường Nam	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
120	Nguyễn Thùy Dương	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
121	Nguyễn Thiện	Nam		THS	Tài chính -				7720201	Dược học

	Kha				Ngân hàng					
122	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ		THS	Hóa phân tích				7720201	Dược học
123	Phạm Minh Vương	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
124	Ngô Hạnh Thương	Nữ		TS	Hóa hữu cơ				7720115	Y học cổ truyền
125	Lưu Minh Châu	Nữ		TS	Y học				7720115	Y học cổ truyền
126	Phạm Thị Cẩm Yên	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
127	Phạm Quỳnh Lâm	Nữ		THS	Phụ khoa				7720115	Y học cổ truyền
128	Phạm Quốc Sự	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
129	Phạm Thị Việt Hà	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
130	Phạm Thị	Nữ		THS	Di truyền				7720115	Y học cổ

	Thanh Hương				học					truyền
131	Phạm Thị Nga	Nữ		THS	Điều dưỡng				7720115	Y học cổ truyền
132	Trần Thị Thúy Phương	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
133	Trần Thị Thu Hương	Nữ		THS	Nội tổng hợp				7720115	Y học cổ truyền
134	Trần Hải Yến	Nữ		THS	Nội khoa				7720101	Y khoa
135	Tổng Thị Mai Vân	Nữ		THS	Nội khoa				7720115	Y học cổ truyền
136	Tô Lê Hồng	Nữ		THS	Dược học				7720201	Dược học
137	Thịnh Thị Minh Thu	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
138	Quách Thị Yến	Nữ		THS	Mô học và phôi thai học				7720101	Y khoa
139	Quách Thị Diễm Hằng	Nữ		THS	Y học (Định				7720115	Y học cổ truyền

					hướng YHCT)					
140	Phùng Thùy Trang	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
141	Phùng Bá Dương	Nam		THS	Hóa sinh				7720201	Dược học
142	Phí Văn Phương	Nam		THS	Đại số và lý thuyết số				7720101	Y khoa
143	Phan Bình Dương	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
144	Phạm Văn Tảo	Nam		THS	Quản lý hành chính công				7720115	Y học cổ truyền
145	Trần Thị Minh	Nữ		THS	Nội khoa				7720101	Y khoa
146	Trần Thị Hoài Vân	Nữ		THS	Hóa phân tích				7720201	Dược học
147	Trần Thanh Hà	Nữ		THS	Y học cổ				7720115	Y học cổ

					truyền					truyền
148	Phạm Vũ Khánh	Nam	Phó giáo sư	TS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
149	Nguyễn Mạnh Khánh	Nam	Phó giáo sư	TS	Chấn thương chỉnh hình				7720101	Y khoa
150	Vũ Đức Định	Nam	Phó giáo sư	TS	Nội - Tiêu hóa				7720101	Y khoa
151	Nguyễn Tuấn Bình	Nam	Phó giáo sư	TS	Y học dự phòng				7720115	Y học cổ truyền
152	Trần Thị Thu Vân	Nữ	Phó giáo sư	TS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
153	Trần Thị Minh Tâm	Nữ	Phó giáo sư	TS	Y học				7720101	Y khoa

154	Trần Thị Hồng Phương	Nữ	Phó giáo sư	TS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
155	Nguyễn Quốc Huy	Nam	Phó giáo sư	TS	Dược học				7720201	Dược học
156	Chu Văn Đức	Nam		TS	Giải phẫu bệnh và pháp y				7720101	Y khoa
157	Nguyễn Đức Tiến	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại khoa				7720101	Y khoa
158	Nguyễn Bá Quang	Nam	Phó giáo sư	TS	Sinh lý học				7720101	Y khoa
159	Lê Minh Kỳ	Nam	Phó giáo sư	TS	Tai Mũi Họng				7720115	Y học cổ truyền
160	Trần Thị Thu	Nữ		THS	Y học cổ				7720201	Dược học

	Hương				truyền					
161	Trần Thị Thu Hiền	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
162	Trần Thị Thu Hiền	Nữ		THS	Dược liệu - Dược cổ truyền				7720201	Dược học
163	Trần Thị Thu Hà	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
164	Trần Thị Phương Dung	Nữ		THS	Toán học				7720115	Y học cổ truyền
165	Trịnh Thị Hào	Nữ		THS	Di truyền học				7720115	Y học cổ truyền
166	Trần Văn Phú	Nam		THS	Nội khoa				7720115	Y học cổ truyền
167	Trương Anh Tuấn	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
168	Vi Thị Hiếu	Nữ		THS	Di truyền học				7720115	Y học cổ truyền

169	Bùi Thị Ngoan	Nữ		THS	Dược học				7720201	Dược học
170	Trương Thị Thu Hương	Nữ		THS	Hóa phân tích				7720115	Y học cổ truyền
171	Phạm Văn Thương	Nam		TS	Chẩn đoán hình ảnh				7720115	Y học cổ truyền
172	Phạm Thái Hưng	Nam		TS	Ngoại Lồng ngực				7720101	Y khoa
173	Nguyễn Xuân Hòa	Nam		TS	Ngoại thần kinh-sọ não				7720101	Y khoa
174	Nguyễn Văn Quân	Nam		TS	Quản lý dược				7720201	Dược học
175	Nguyễn Văn Hải	Nam		TS	Châm cứu				7720115	Y học cổ truyền
176	Nguyễn Tiến Dũng	Nam		TS	Hóa hữu cơ				7720201	Dược học
177	Nguyễn Thị Minh Thu	Nữ		TS	Dược học				7720201	Dược học

178	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ		TS	Nội - Nội tiết				7720115	Y học cổ truyền
179	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nữ		TS	Kinh tế học (Toán kinh tế)				7720115	Y học cổ truyền
180	Trương Thị Minh Trang	Nữ		THS	Luật học				7720115	Y học cổ truyền
181	Phan Thị Hoa	Nữ		TS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
182	Phạm Việt Hoàng	Nam		TS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
183	Bùi Thị Quỳnh	Nữ		THS	Giải phẫu bệnh				7720115	Y học cổ truyền
184	Vương Thị Mai Linh	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
185	Vũ Thị Tố Trinh	Nữ		THS	Phụ khoa trung y				7720115	Y học cổ truyền
186	Vũ Thị Thơm	Nữ		THS	Da liễu				7720115	Y học cổ

										truyền
187	Vũ Thị Thơ	Nữ		THS	Điều dưỡng				7720115	Y học cổ truyền
188	Vũ Thị Lan Anh	Nữ		THS	Y học				7720115	Y học cổ truyền
189	Đinh Thị Tuyết	Nữ		THS	Hóa học				7720115	Y học cổ truyền
190	Bùi Thị Vân Anh	Nam		TS	Nhãn khoa				7720115	Y học cổ truyền
191	Vũ Thị Thuận	Nữ		TS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
192	Trần Văn Thanh	Nam		TS	Dược học				7720201	Dược học
193	Trần Thị Vân	Nữ		TS	Y tế công cộng				7720115	Y học cổ truyền
194	Trần Thị Kim Thư	Nữ		TS	Nội - Nội tiết				7720101	Y khoa
195	Trần Quốc	Nam		TS	Chấn				7720115	Y học cổ

	Lâm				thương chỉnh hình và tạo hình					truyền
196	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ		THS	Giải phẫu bệnh				7720115	Y học cổ truyền
197	Nguyễn Thị Hương	Nữ		THS	Sinh lý học				7720115	Y học cổ truyền
198	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
199	Nguyễn Thị Diệu Thu	Nữ		THS	Y tế công cộng				7720201	Dược học
200	Nguyễn Thị Thanh Tú	Nữ		THS	Chính sách chăm sóc sức khỏe, lập kế hoạch và tài chính				7720115	Y học cổ truyền
201	Nguyễn Hữu Khoa	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền

202	Đàm Thị Thu Hằng	Nữ		THS	Răng hàm mặt				7720115	Y học cổ truyền
203	Chu Anh Tuấn	Nam		THS	Vật lý				7720101	Y khoa
204	Cao Thị Vân Anh	Nữ		THS	Y học				7720115	Y học cổ truyền
205	Bùi Thị Thu Hằng	Nữ		THS	Tổ chức quản lý ngành Dược				7720201	Dược học
206	Đặng Đình Cường	Nam		ĐH	Dược học				7720201	Dược học
207	Đào Văn Dinh	Nam		THS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn vật lý				7720201	Dược học
208	Hoàng Minh Phương	Nữ		THS	Toán học				7720115	Y học cổ truyền
209	Hoàng Cao	Nam		THS	Nội khoa				7720115	Y học cổ

	Hiếu				Y học cổ truyền					truyền
210	Dương Thị Thúy Hòa	Nữ		THS	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng				7720101	Y khoa
211	Dương Thị Danh	Nữ		THS	Quản lý giáo dục				7720115	Y học cổ truyền
212	Bùi Thị Hương Thu	Nữ		THS	Nhi khoa				7720101	Y khoa
213	Bùi Thị Hảo	Nữ		THS	Dược học				7720201	Dược học
214	Cù Thị Bích Thủy	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
215	Phan Văn Nam	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
216	Đỗ Ba Kế	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
217	Đào Văn Lưu	Nam		THS	Dược học				7720201	Dược học

218	Vũ Thị Phương Thảo	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
219	Vũ Ngọc Hà	Nữ		THS	Giải phẫu bệnh				7720115	Y học cổ truyền
220	Phạm Thị Minh	Nữ		THS	Nội khoa				7720115	Y học cổ truyền
221	Ninh Thị Minh Thoa	Nữ		THS	Điều dưỡng				7720201	Dược học
222	Nguyễn Văn Khiêm	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
223	Bùi Phương Mai	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
224	Bàng Thị Hoài	Nữ		THS	Y tế công cộng				7720115	Y học cổ truyền
225	An Thị Dung	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
226	Bùi Nam Phong	Nam		TS	Nội khoa				7720115	Y học cổ truyền

227	Phùng Thị Huyền	Nữ		TS	Ung thư				7720115	Y học cổ truyền
228	Nguyễn Thị Hương	Nữ		TS	Ung thư				7720115	Y học cổ truyền
229	Nguyễn Thị Thái Hòa	Nữ		TS	Ung thư				7720115	Y học cổ truyền
230	Nguyễn Xuân Hiệp	Nam		TS	Nhãn khoa				7720115	Y học cổ truyền
231	Đỗ Thị Phương Hà	Nữ		TS	Dinh dưỡng				7720115	Y học cổ truyền
232	Đặng Việt Sinh	Nam		THS	Bệnh học Nội khoa				7720101	Y khoa
233	Đặng Văn Tĩnh	Nam		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
234	Đặng Thị Lan Phương	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
235	Nguyễn Khánh Tường	Nam		ĐH	Dược học				7720201	Dược học

236	Nguyễn Hồng Dương	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
237	Lữ Đoàn Hoạt Mười	Nam		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
238	Lê Đức Khang	Nam		ĐH	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
239	Kiều Đức Xương	Nam		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
240	Hoàng Trần Diệu Linh	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
241	Đỗ Lan Phương	Nữ		ĐH	Sinh học				7720201	Dược học
242	Đỗ Hoàng Yến	Nữ		ĐH	Dược học				7720201	Dược học
243	Đỗ Văn Pha	Nam		THS	Y tế công cộng				7720201	Dược học
244	Đỗ Thị Tố Uyên	Nữ		THS	Sinh thái học				7720201	Dược học
245	Đỗ Thị Thúy	Nữ		THS	Tâm thần				7720101	Y khoa

	Anh									
246	Đỗ Thị Thanh Xuân	Nữ		THS	Sư phạm Toán				7720115	Y học cổ truyền
247	Đỗ Thị Thanh Chung	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
248	Đỗ Thị Hương Lan	Nữ		THS	Y học				7720201	Dược học
249	Đỗ Thị Hường	Nữ		THS	Sinh lý học				7720101	Y khoa
250	Đỗ Thị Hồng Sâm	Nữ		THS	Dược lý và Dược lâm sàng				7720201	Dược học
251	Đỗ Linh Quyên	Nữ		TS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
252	Đinh Văn Tài	Nam		THS	Y tế công cộng				7720115	Y học cổ truyền
253	Đinh Thị Thúy Hà	Nữ		THS	Nội tổng hợp				7720115	Y học cổ truyền

254	Đinh Thị Hương	Nữ		THS	Luật học				7720115	Y học cổ truyền
255	Đoàn Hữu Xuyên	Nam		THS	Quản trị nhân lực				7720115	Y học cổ truyền
256	Hoàng Văn Vịnh	Nam		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
257	Đỗ Thị Vân	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
258	Đỗ Thị Ngọc Anh	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
259	Đào Thúy Hằng	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
260	Bùi Thị Lan	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
261	Trần Hồng Nhung	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
262	Quang Ngọc Khuê	Nam		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền

263	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
264	Trần Thu Phương	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
265	Nguyễn Thị Thái	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
266	Vũ Thị Mai Phương	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
267	Trần Thị Diễm	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
268	Phạm Thị Thúy An	Nữ		ĐH	Xét nghiệm y học				7720201	Dược học
269	Nguyễn Ngọc Đăng	Nam		ĐH	Y học cổ truyền				7720201	Dược học
270	Nguyễn Hương Giang	Nữ		ĐH	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
271	Nguyễn Đăng	Nam		ĐH	Y khoa				7720115	Y học cổ

	Yên									truyền
272	Lê Thị Hồng Thi	Nữ		ĐH	Y khoa				7720115	Y học cổ truyền
273	Hoàng Thị Tuyết	Nữ		THS	Y học cổ truyền				7720115	Y học cổ truyền
274	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ		THS	Sinh lý học thực vật				7720115	Y học cổ truyền

Phục lục 02: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Giảng dạy môn chung	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
1	Đoàn Hoài Linh	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		

2	Nguyễn Đăng Quốc	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ		THS	Thận tiết niệu		7720115	Y học cổ truyền		
4	Lê Thị Thắm	Nữ		THS	Tim mạch		7720115	Y học cổ truyền		
5	Đàm Thị Mỹ	Nữ		THS	Tim mạch		7720115	Y học cổ truyền		
6	Lê Thị Phương Huệ	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
7	Hoàng Thị Hiền	Nữ		TS	Nội cơ xương khớp		7720115	Y học cổ truyền		
8	Phạm Thị	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ		

	Ngọc Mai							truyền		
9	Lương Đức Dũng	Nam		TS	Dị ứng và Miễn dịch		7720115	Y học cổ truyền		
10	Nguyễn Văn Học	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
11	Tào Minh Châu	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
12	Phan Bá Hải	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
13	Bùi Huy Mạnh	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
14	Phùng Duy Hồng Sơn	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		

15	Vũ Ngọc Tú	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
16	Lê Nguyễn Vũ	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
17	Thái Nguyễn Hưng	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
18	Nguyễn Đình Hòa	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
19	Nguyễn Thị Mai Ngọc	Nữ		TS	Tim mạch		7720101	Y khoa		
20	Trần Văn Khanh	Nam		TS	Lâm sàng Trung y		7720115	Y học cổ truyền		
21	Nguyễn Thị Hồng	Nữ		TS	Tim mạch		7720101	Y khoa		

	Hạnh									
22	Nguyễn Hoài Văn	Nam		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
23	Trần Quyết Thắng	Nam		TS	Sản phụ khoa		7720101	Y khoa		
24	Trần Văn Sơn	Nam		TS	Quản lý kinh tế		8720115	Y học cổ truyền		
25	Nguyễn Văn Dũng	Nam		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
26	Nguyễn Thị Sinh	Nữ		THS	Giải phẫu người		7720101	Y khoa		
27	Nguyễn Quốc Huy	Nam	Phó giáo sư	TS	Dược liệu-Dược cổ truyền		7720201	Dược học		
28	Đào Văn	Nam		THS	Ngoại		7720115	Y học		

	Giang				khoa			cổ truyền		
29	Đỗ Thị Ngọc Linh	Nữ		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
30	Ngô Bá Toàn	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
31	Trần Hoàng Tùng	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
32	Lưu Danh Huy	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
33	Nguyễn Thanh Xuân	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
34	Ngô Mạnh	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ		

	Hùng							truyền		
35	Hoàng Ngọc Sơn	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
36	Nguyễn Hoàng Long	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
37	Nguyễn Tiến Sơn	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
38	Phạm Hữu Lư	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
39	Dương Trọng Hiền	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
40	Trịnh Hoàng Giang	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		

41	Ninh Việt Khải	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
42	Lê Việt Khánh	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
43	Nguyễn Hồng Hà	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
44	Lê Mạnh Sơn	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
45	Võ Quốc Hưng	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
46	Phương Thiện Thương	Nam	Phó giáo sư	TS	Dược học		7720201	Dược học		
47	Lê Thanh	Nam		TS	Chấn thương		7720115	Y học cổ		

	Sơn				chính hình			truyền		
48	Nguyễn Thành Vinh	Nam		THS	Ngoại bụng		7720115	Y học cổ truyền		
49	Phạm Quang Phúc	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
50	Vũ Thành Chung	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
51	Dương Văn Long	Nam		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
52	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
53	Nguyễn Thị Hiền	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
54	Đào Phương	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		

	Chi									
55	Nguyễn Việt Hoa	Nữ		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
56	Lê Hồng Nhân	Nam		TS	Ngoại thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
57	Nguyễn Quang Nghĩa	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
58	Nguyễn Quang	Nam		TS	Nam học		7720115	Y học cổ truyền		
59	Đoàn Việt Quân	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720101	Y khoa		
60	Đỗ Trường Thành	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại khoa		7720101	Y khoa		

61	Nguyễn Đức Chính	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại khoa		7720101	Y khoa		
62	Nguyễn Thanh Long	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại khoa		7720101	Y khoa		
63	Nguyễn Xuân Hùng	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại khoa		7720101	Y khoa		
64	Phạm Thị Như Hoa	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
65	Nghiêm Thị Mai Sang	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
66	Nguyễn Thị Vân	Nữ		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
67	Phạm Thị Trà Giang	Nữ		TS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ		

								truyền		
68	Nguyễn Tiến Lâm	Nam		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
69	Lê Văn Dân	Nam		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
70	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ		TS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
71	Trần Thanh Tú	Nam		THS	Y khoa		7720115	Y học cổ truyền		
72	Phạm Khánh Hồng	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
73	Nguyễn Hữu Ước	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại khoa		7720101	Y khoa		
74	Nguyễn	Nữ		TS	Chấn		7720101	Y khoa		

	Lê Bảo Tiến				thương chính hình					
75	Đông Văn Hệ	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại thần kinh		7720101	Y khoa		
76	Bùi Thị Thu Huyền	Nữ		TS	Răng Hàm Mặt		7720115	Y học cổ truyền		
77	Nguyễn Thu Thủy	Nữ		THS	Răng Hàm Mặt		7720115	Y học cổ truyền		
78	Trần Kiên Quyết	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
79	Trần Quang Hải	Nam		THS	Gây mê hồi sức		7720101	Y khoa		
80	Trần Ngọc Sơn	Nam	Phó giáo sư	TSKH	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		

81	Nguyễn Quế Phương	Nữ		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
82	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Nữ		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
83	Trần Văn Trung	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
84	Trần Văn Bàn	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
85	Lương Văn Chương	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
86	Nguyễn Đại Nam	Nam		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
87	Trần Thị Hoàng	Nữ		THS	Nội khoa nội tiêu		7720115	Y học cổ		

	Long				hóa			truyền		
88	Trần Thu Thủy	Nữ		THS	Nội tiêu hóa		7720115	Y học cổ truyền		
89	Nguyễn Hưng Bang	Nam		THS	Nội tổng hợp		7720115	Y học cổ truyền		
90	Ngô Thị Thanh Hải	Nữ		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
91	Nguyễn Hiền Vân	Nữ		THS	Nội hô hấp		7720115	Y học cổ truyền		
92	Hoàng Minh Trung	Nam		THS	Nội thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
93	Bùi Thị Ngọc	Nữ		THS	Thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		

94	Nguyễn Đình Hiến	Nam		THS	Nội tim mạch và Tim mạch can thiệp		7720101	Y khoa		
95	Nguyễn Bá Thắng	Nam		THS	Hồi sức cấp cứu chống độc		7720101	Y khoa		
96	Vũ Văn Khâm	Nam		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
97	Nguyễn Thị Bảo Liên	Nữ		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
98	Lương Thu Hương	Nữ		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
99	Thái Bằng Giang	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		

100	Phan Thị Kim Dung	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
101	Võ Thị Mỹ Hòa	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
102	Nguyễn Đức Bình	Nam		THS	Chấn thương chỉnh hình		7720101	Y khoa		
103	Phan Tùng Lĩnh	Nam		THS	Ngoại khoa		7720101	Y khoa		
104	Đoàn Duy Hùng	Nam		TS	Ngoại lồng ngực		7720115	Y học cổ truyền		
105	Nguyễn Văn Thường	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
106	Nguyễn Đình Hưng	Nam		THS	Phẫu thuật thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
107	Hoàng	Nữ		TS	Vi sinh y		7720115	Y học		

	Thị Bích Ngọc				học			cổ truyền		
108	Trương Mạnh Tú	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
109	Đặng Thúy Hà	Nữ		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
110	Lưu Thị Mỹ Thục	Nữ		TS	Dinh dưỡng		7720101	Y khoa		
111	Cao Vũ Hùng	Nam		TS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
112	Nguyễn Văn Lâm	Nam		TS	Truyền nhiễm nhi		7720101	Y khoa		
113	Lê Thị Thu Hương	Nữ		TS	Truyền nhiễm nhi		7720115	Y học cổ truyền		
114	Đào Minh Tuấn	Nam	Phó giáo sư	TS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		

115	Lê Thanh Hải	Nam	Phó giáo sư	TS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
116	Nguyễn Xuân Tịnh	Nam		TS	Nhãn khoa		7720115	Y học cổ truyền		
117	Lê Xuân Cung	Nam		TS	Nhãn khoa		7720115	Y học cổ truyền		
118	Thâm Trương Khánh Vân	Nữ		TS	Nhãn khoa		7720101	Y khoa		
119	Nguyễn Quốc Anh	Nam		TS	Nhãn khoa		7720115	Y học cổ truyền		
120	Đỗ Tấn	Nam		TS	Nhãn khoa		7720115	Y học cổ truyền		

121	Hà Huy Tài	Nam	Phó giáo sư	TS	Nhãn khoa		7720115	Y học cổ truyền		
122	Cao Xuân Thời	Nam		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
123	Phạm Lâm Sơn	Nam		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
124	Nguyễn Quang Thái	Nam		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
125	Đoàn Lục	Nam		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
126	Nguyễn Thị Hòa	Nữ		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
127	Đỗ Thị	Nữ		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ		

	Kim Anh							truyền		
128	Lê Thị Nhị Bình	Nữ		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
129	Lê Thị Yên	Nữ		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
130	Ngô Vĩ Dung	Nữ		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
131	Hoàng Trọng Tùng	Nam		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
132	Nguyễn Hoàng Minh	Nam		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
133	Nguyễn Diệu Linh	Nữ		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		

134	Hàn Thị Vân Thanh	Nữ		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
135	Vũ Quang Toàn	Nam		TS	Ung thư		7720101	Y khoa		
136	Đỗ Anh Tú	Nam		TS	Ung thư		7720101	Y khoa		
137	Hoàng Huy Hùng	Nam		THS	Ung thư		7720101	Y khoa		
138	Vũ Hà Thanh	Nữ		THS	Ung thư		7720101	Y khoa		
139	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ		TS	Ung thư		7720101	Y khoa		
140	Hàn Thị Thanh Bình	Nữ		THS	Ung thư		7720101	Y khoa		
141	Lê Thanh	Nam		TS	Ung thư		7720115	Y học		

	Đức							cổ truyền		
142	Đoàn Trọng Tú	Nam		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
143	Vũ Xuân Huy	Nam		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
144	Nguyễn Công Hoàng	Nam		THS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
145	Bùi Vinh Quang	Nam		TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
146	Trần Văn Thuần	Nam	Phó giáo sư	TS	Ung thư		7720115	Y học cổ truyền		
147	Bùi Thị Mai	Nữ		THS	Khoa học đinh		7720115	Y học cổ		

	Hương				duỡng			truyền		
148	Đào Hữu Minh	Nam		THS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
149	Lê Văn Sĩ	Nam		TS	Nội chung		7720115	Y học cổ truyền		
150	Đỗ Thị Minh Nghĩa	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
151	Nguyễn Quang Vinh	Nam		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
152	Hà Mạnh Cường	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
153	Phạm Thị Hoài An	Nữ		TS	Phụ sản		7720115	Y học cổ truyền		

154	Hà Thị Việt Nga	Nữ		TS	Nội chung		7720115	Y học cổ truyền		
155	Hà Thị Thanh Hương	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
156	Trần Thị Phương Linh	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
157	Ngô Thị Lan Phương	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
158	Kiều Đình Khoan	Nam		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
159	Trần Minh Hiếu	Nam		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
160	Trần Đăng	Nam		TS	Y học cổ		7720115	Y học cổ		

	Khoa				truyền			truyền		
161	Hán Huy Truyền	Nam		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
162	Trần Thái Hà	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
163	Nguyễn Thị Tâm Thuận	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
164	Phí Thị Thái Hà	Nữ		TS	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền		
165	Dương Trọng Nghĩa	Nam		TS	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền		
166	Dương Minh Sơn	Nam		TS	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền		

167	Lê Mạnh Cường	Nam		TS	Ngoại khoa		8720115	Y học cổ truyền		
168	Nguyễn Bội Hương	Nữ		TS	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền		
169	Vũ Nam	Nam	Phó giáo sư	TS	Y học cổ truyền		9720115	Y học cổ truyền		
170	Trần Quốc Bình	Nam	Phó giáo sư	TS	Y học cổ truyền		9720115	Y học cổ truyền		
171	Hoàng Thị Hoa Lý	Nữ		TS	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền		
172	Vũ Văn Thuần	Nam		THS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
173	Nguyễn Thị	Nữ		THS	Tâm thần		7720115	Y học cổ		

	Nhanh				học			truyền		
174	Nguyễn Thu Linh	Nữ		THS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
175	Đỗ Thị Lưu	Nữ		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
176	Nguyễn Chí Thành	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
177	Tạ Thu Ngân	Nữ		THS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
178	Quản Trường Sơn	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
179	Phùng Thanh Hải	Nam		THS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		

180	Đỗ Thị Oanh	Nữ		THS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
181	Nguyễn Thị Vân	Nữ		THS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
182	Bùi Công Viên	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
183	Nguyễn Hoàng Điệp	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
184	Cao Thị Vịnh	Nữ		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
185	Lê Thị Thanh Thu	Nữ		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
186	Nguyễn	Nam		TS	Tâm thần		7720115	Y học cổ		

	Tuấn Đại				học			truyền		
187	Lê Thị Tố Uyên	Nữ		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
188	Bạch Quốc Hà	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
189	Cao Văn Tuấn	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
190	Vương Văn Tịnh	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
191	Tô Thanh Phương	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		
192	Nguyễn Hữu Chiến	Nam		TS	Tâm thần học		7720115	Y học cổ truyền		

193	Hoàng Thanh Vân	Nữ		TS	Lao		7720115	Y học cổ truyền		
194	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
195	Vũ Minh Hoàn	Nam		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
196	Trần Quốc Hùng	Nam		THS	Y tế công cộng		7720115	Y học cổ truyền		
197	Nguyễn Thị Khánh Vân	Nữ		TS	Tai Mũi Họng		7720115	Y học cổ truyền		
198	Quách Thị Cần	Nữ	Phó giáo sư	TS	Tai Mũi Họng		7720115	Y học cổ truyền		

199	Nguyễn Thu Hương	Nữ		TS	Nhi-Hô hấp		7720115	Y học cổ truyền		
200	Đinh Thị Thanh Thủy	Nữ		THS	Dược		7720201	Dược học		
201	Lưu Thị Vũ Nga	Nữ		THS	Vi sinh		7720115	Y học cổ truyền		
202	Phạm Cao Phong	Nam		THS	Răng hàm mặt		7720115	Y học cổ truyền		
203	Bùi Thế Khuê	Nam		TS	Nha khoa		7720115	Y học cổ truyền		
204	Lê Thị Thu Nguyệt	Nữ		THS	Thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
205	Phùng Thị Hồng	Nữ		THS	Huyết học truyền		7720115	Y học cổ		

	Hạnh				máu			truyền		
206	Vương Đại Sang	Nam		THS	Hóa sinh		7720115	Y học cổ truyền		
207	Nguyễn Minh Hiền	Nam		TS	Hóa sinh		7720115	Y học cổ truyền		
208	Ngô Thanh Sơn	Nam		THS	Thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
209	Nguyễn Thế Anh	Nam		TS	Thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
210	Trương Trường Giang	Nam		TS	Thần kinh học		7720115	Y học cổ truyền		
211	Đinh Văn Thắng	Nam		TS	Thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		

212	Đinh Thị Thu Hương	Nữ		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
213	Đoàn Thị Anh Đào	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
214	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ		TS	Nội- Nội tiết		7720115	Y học cổ truyền		
215	Vũ Mai Hương	Nữ		TS	Nội - Lão khoa		7720115	Y học cổ truyền		
216	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ		THS	Tim mạch		7720115	Y học cổ truyền		
217	Nguyễn Văn Trường	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
218	Nguyễn Văn	Nam		THS	Ngoại		7720115	Y học cổ		

	Phước				chung			truyền		
219	Vũ Xuân Hùng	Nam		THS	Ngoại đại cương		7720115	Y học cổ truyền		
220	Cao Văn Vinh	Nam		TS	Ngoại-Tiêu hóa		7720115	Y học cổ truyền		
221	Hoàng Minh Đỗ	Nam		TS	Ngoại sọ não		7720115	Y học cổ truyền		
222	Đào Quang Minh	Nam		TS	Ngoại chung		7720115	Y học cổ truyền		
223	Lê Văn Chương	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
224	Tạ Thùy Linh	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		

225	Trần Đình Sỹ	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
226	Phạm Thị Lan	Nữ		THS	Y tế công cộng		7720115	Y học cổ truyền		
227	Phạm Tuấn Phương	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
228	Phạm Thúy Hường	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
229	Trần Kim Oanh	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
230	Tôn Thất Kha	Nam		THS	Nội tổng hợp		7720115	Y học cổ truyền		
231	Nguyễn	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ		

	Mạnh Hà							truyền		
232	Nguyễn Thị Hồ Lan	Nữ		TS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
233	Nguyễn Ngọc Thiện	Nam		THS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
234	Đặng Thị Mai Trang	Nữ		TS	Nội tiết		7720115	Y học cổ truyền		
235	Lê Thị Việt Hà	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
236	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ		THS	Bệnh học nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
237	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ		TS	Nội-Nội tiết		7720115	Y học cổ truyền		

238	Hồ Khải Hoàn	Nam		THS	Nội chung		7720115	Y học cổ truyền		
239	Lê Quang Toàn	Nam		TS	Nội tiết		7720115	Y học cổ truyền		
240	Nguyễn Thu Hiền	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
241	Nguyễn Minh Hùng	Nam		TS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
242	Vũ Thị Hiền Trinh	Nữ		THS	Nội chung		7720115	Y học cổ truyền		
243	Hoàng Kim Ước	Nam		TS	Vệ sinh Xã hội học và Tổ chức Y tế		7720115	Y học cổ truyền		

244	Nguyễn Minh Tuấn	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
245	Đình Văn Trục	Nam		TS	Ngoại tiêu hóa		7720115	Y học cổ truyền		
246	Nguyễn Tiến Lãng	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
247	Trần Đoàn kết	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
248	Trần Văn Bông	Nam		TS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
249	Phan Hương Dương	Nam		TS	Vệ sinh Xã hội học và Tổ chức Y tế		7720115	Y học cổ truyền		

250	Trần Thị Thanh Hóa	Nữ	Phó giáo sư	TS	Nội khoa		8720115	Y học cổ truyền		
251	Trần Ngọc Lương	Nam	Phó giáo sư	TS	Ngoại khoa		8720115	Y học cổ truyền		
252	Trần Nhật Trường	Nam		THS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
253	Cao Đức Chinh	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
254	Nguyễn Thu Hằng	Nữ		THS	Răng Hàm Mặt		7720115	Y học cổ truyền		
255	Phạm Quốc Chí	Nam		THS	Răng Hàm Mặt		7720115	Y học cổ truyền		
256	Đặng Thị Liên	Nữ		THS	Răng		7720115	Y học cổ		

	Hương				Hàm Mật			truyền		
257	Đinh Lương Thái	Nam		THS	Sản phụ khoa		7720115	Y học cổ truyền		
258	Phạm Văn Cường	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
259	Nguyễn Ngọc Thiện	Nam		THS	Da liễu		7720115	Y học cổ truyền		
260	Đỗ Thùy Linh	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
261	Đỗ Hữu Nghị	Nam		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
262	Trần Văn Phú	Nam		THS	Nội chung		7720115	Y học cổ truyền		

263	Nguyễn Thị Ngân	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
264	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
265	Đỗ Đức Thọ	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
266	Nguyễn Quốc Đông	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
267	Đinh Hồng Kiên	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
268	Nguyễn Thị Cương	Nữ		TS	Nội tiêu hóa		7720115	Y học cổ truyền		
269	Nguyễn Văn	Nam		THS	Hô hấp		7720115	Y học cổ		

	Giang							truyền		
270	Nguyễn Văn Thái	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
271	Trần Quang Toàn	Nam		TS	Chấn thương chỉnh hình		7720115	Y học cổ truyền		
272	Phạm Hữu Hiền	Nam		THS	Hồi sức cấp cứu		7720115	Y học cổ truyền		
273	Trần Thị Kim Anh	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
274	Nguyễn Thành Trung	Nam		THS	Gây mê hồi sức		7720115	Y học cổ truyền		
275	Đoàn Bình Tĩnh	Nam		TS	Gây mê hồi sức		7720115	Y học cổ truyền		

276	Phạm Thị Đào Chinh	Nữ		TS	Nội tiêu hóa		7720115	Y học cổ truyền		
277	Nguyễn Văn Oanh	Nam		TS	Thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
278	Đình Văn Tuy	Nam		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
279	Bùi Tiến Công	Nam		TS	Ngoại chung		7720115	Y học cổ truyền		
280	Hoàng Xuân Tuệ	Nam		TS	Ngoại chung		7720115	Y học cổ truyền		
281	Nguyễn Thị Bích Thủy	Nữ		TS	Nhãn khoa		7720115	Y học cổ truyền		
282	Trịnh	Nam		TS	Phẫu thuật		7720115	Y học cổ		

	Xuân Học				Hàm mắt			truyền		
283	Nguyễn Thị Lan	Nữ		TS	Sản phụ khoa		7720115	Y học cổ truyền		
284	Tạ Quang Mậu	Nam		THS	Truyền nhiễm		7720101	Y khoa		
285	Nguyễn Thiện Thuật	Nam		THS	Nhi khoa		7720101	Y khoa		
286	Nguyễn Ngọc Trung	Nam		THS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
287	Phạm Văn Tự	Nam		THS	Sản phụ khoa		7720101	Y khoa		
288	Nguyễn Vũ Trung	Nam		THS	Răng hàm mắt		7720115	Y học cổ truyền		
289	Trần Ngọc	Nam		TS	Sản phụ khoa		7720101	Y khoa		

	Cường									
290	Lê Hoàng Tú	Nam		TS	Nội chung		7720115	Y học cổ truyền		
291	Đào Thiện Tiến	Nam		TS	Ngoại khoa		8720115	Y học cổ truyền		
292	Nguyễn Đức Minh	Nam		TS	Châm cứu		8720115	Y học cổ truyền		
293	Trần Phương Đông	Nam		TS	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền		
294	Phạm Hồng Vân	Nữ		TS	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền		
295	Trần Văn Thanh	Nam		TS	Châm cứu		7720115	Y học cổ truyền		

296	Trịnh Thị Phương Nhung	Nữ		THS	Truyền nhiễm		7720115	Y học cổ truyền		
297	Vũ Thị Dịu	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
298	Phạm Thị Ngọc Yến	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
299	Nguyễn Thị Thanh Hải	Nữ		TS	Nội-Nội tiết		7720115	Y học cổ truyền		
300	Nguyễn Lê Liêm	Nữ		TS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
301	Nguyễn Minh Thu	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
302	Trương Thị Thanh	Nữ		THS	Nội chung		7720115	Y học cổ		

	Thủy							truyền		
303	Phạm Ngọc Trường	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
304	Đỗ Việt Sơn	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
305	Hà Ngọc Quân	Nam		THS	Ngoại khoa		7720115	Y học cổ truyền		
306	Vũ Văn Vinh	Nam		THS	Ngoại chung		7720115	Y học cổ truyền		
307	Phan Sỹ Thanh Hà	Nam		THS	Ngoại tiêu hóa		7720115	Y học cổ truyền		
308	Nguyễn Mạnh Trường	Nam		THS	Ngoại chung		7720115	Y học cổ truyền		

309	Đỗ Thị Thanh Thủy	Nữ		THS	Nội khoa - Truyền nhiễm		7720115	Y học cổ truyền		
310	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ		THS	Nội chung		7720115	Y học cổ truyền		
311	Phạm Tuấn Dương	Nam		THS	Nội khoa- Nội tiết		7720115	Y học cổ truyền		
312	Nguyễn Minh Tuấn	Nam		THS	Nhi khoa		7720115	Y học cổ truyền		
313	Đỗ Văn Dũng	Nam		THS	Phẫu thuật thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
314	Mai Thị Minh Hậu	Nữ		TS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		
315	Vũ Hải	Nam		THS	Chấn thương		7720115	Y học cổ		

	Nam				chính hình			truyền		
316	Nguyễn Quốc Bảo	Nam		TS	Phẫu thuật thần kinh		7720115	Y học cổ truyền		
317	Nguyễn Đình Trường	Nam		THS	Ngoại Chung		7720115	Y học cổ truyền		
318	Nguyễn Thái Hưng	Nam		TS	Răng Hàm Mặt		7720115	Y học cổ truyền		
319	Trịnh Hồng Hà	Nữ		TS	Tai Mũi Họng		7720115	Y học cổ truyền		
320	Nguyễn Thị Thoa	Nữ		THS	Răng hàm mặt		7720115	Y học cổ truyền		
321	Phùng Văn Huệ	Nam		THS	Sản phụ khoa		7720115	Y học cổ truyền		

322	Từ Thị Thủy	Nữ		TS	Sản phụ khoa		7720101	Y khoa		
323	Nguyễn Thị Bích	Nữ		THS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
324	Hoàng Thu Hương	Nữ		THS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
325	Phạm Ngọc Hảo	Nữ		THS	Hô hấp		7720115	Y học cổ truyền		
326	Đinh Thị Hòa	Nữ		THS	Hô hấp		7720115	Y học cổ truyền		
327	Nguyễn Việt Dũng	Nam		THS	Tiêu hóa		7720115	Y học cổ truyền		
328	Thái Hoài Hương	Nữ		THS	Mắt		7720115	Y học cổ		

								truyền		
329	Dương Hồng Niên	Nam		THS	Tim mạch		7720115	Y học cổ truyền		
330	Nguyễn Quốc Khánh	Nam		THS	Tim mạch		7720115	Y học cổ truyền		
331	Hoàng Thanh Tuyền	Nam	Phó giáo sư	TS	Nội tiêu hóa		9720115	Y học cổ truyền		
332	Trần Thị Oanh	Nữ		TS	Dược		7720201	Dược học		
333	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ		TS	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền		
334	Đỗ Chí Hùng	Nam		THS	Phục hồi chức năng		7720101	Y khoa		
335	Lê Ngọc Thành	Nam	Giáo sư	TS	Tim mạch		7720101	Y khoa		

336	Ngô Tiến Thành	Nam		TS	Hô hấp		7720101	Y khoa		
337	Trần Thị Sen Hồng	Nữ		THS	Nội hô hấp		7720101	Y khoa		
338	Hữu Hoài Anh	Nam		THS	Ngoại khoa		7720101	Y khoa		
339	Đặng Hồng Hoa	Nữ		TS	Cơ xương khớp		7720101	Y khoa		
340	Khúc Thị Nhện	Nữ		TS	Thần kinh		7720101	Y khoa		
341	Chu Minh Hà	Nữ		TS	Tim mạch		7720101	Y khoa		
342	Vũ Hải Vinh	Nam		THS	Hội sức cấp cứu		7720101	Y khoa		
343	Nguyễn Vĩnh Hưng	Nam		TS	Bệnh học nội khoa		7720101	Y khoa		
344	Nguyễn	Nữ		TS	Y học cổ		9720115	Y học cổ		

	Thị Huệ				truyền			truyền		
345	Phạm Bá Tuyền	Nam	Phó giáo sư	TS	Y học cổ truyền		9720115	Y học cổ truyền		
346	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ		THS	Nội khoa		7720115	Y học cổ truyền		